

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2021*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam  
Mã chứng khoán: SHP  
Địa chỉ trụ sở chính: P.106 Lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa  
Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 028 3820.7795  
Fax: 028 3820.7794  
Người thực hiện CBTT: Nguyễn Thành Tú Anh  
Chức vụ: Kế Toán trưởng

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

**Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo thường niên năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2021 tại đường dẫn [www.shp.vn](http://www.shp.vn).

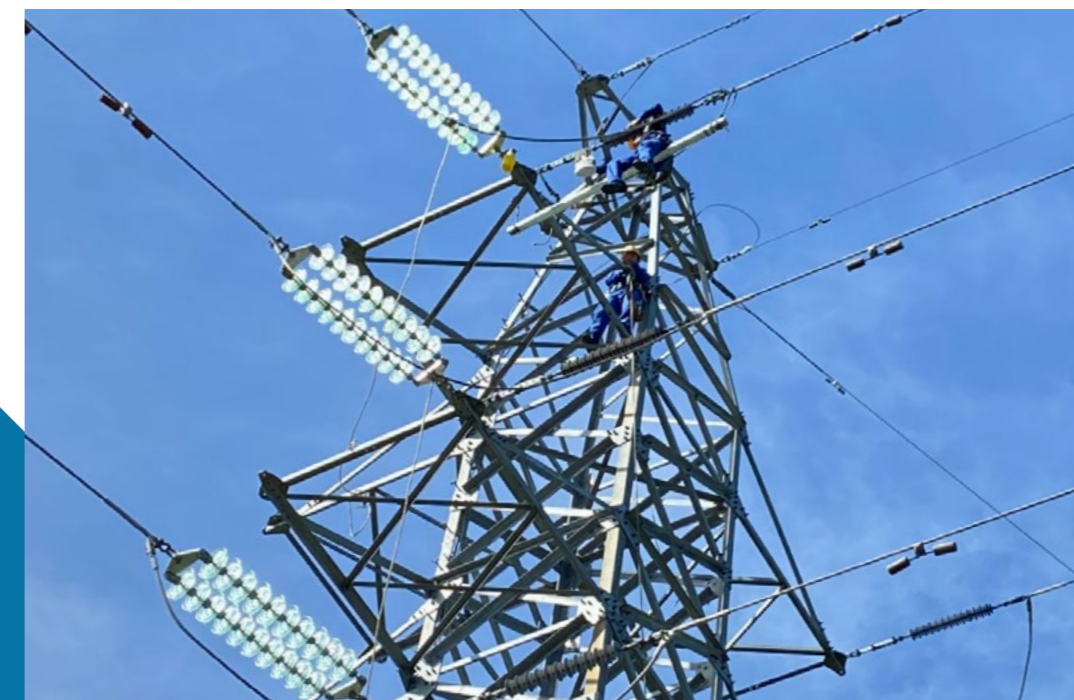
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Đính kèm:  
BCTN năm 2020

**Người được ủy quyền công bố thông tin**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Kế Toán Trưởng**  
  
Nguyễn Thành Tú Anh



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN MIỀN NAM



P.106 Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



(028) 3820 7795



tdmiennam@yahoo.com

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

# MỤC LỤC



**01**

**CHƯƠNG 1**

THÔNG TIN CHUNG



**17**

**CHƯƠNG 2**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM 2020



**41**

**CHƯƠNG 3**

BÁO CÁO CỦA  
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**49**

**CHƯƠNG 4**

ĐÁNH GIÁ CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**55**

**CHƯƠNG 5**

QUẢN TRỊ CÔNG TY



**79**

**CHƯƠNG 6**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN NĂM 2020

# THÔNG TIN CHUNG

---

Thông tin khái quát về công ty

Quá trình hình thành và phát triển

Mô hình quản trị, bộ máy quản lý

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Định hướng phát triển

Các rủi ro



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên giao dịch:</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
<b>Tên viết tắt:</b>	SHP JSC
<b>Tên Tiếng Anh:</b>	Southern Hydropower Joint Stock Company
<b>Mã cổ phiếu:</b>	SHP
<b>Vốn điều lệ:</b>	937.102.000.000 đồng
<b>Trụ sở chính:</b>	P.106 Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
<b>Điện thoại:</b>	(028) 3820 7795
<b>Fax:</b>	(028) 3820 7794
<b>Email:</b>	tdmiennam@yahoo.com
<b>Website:</b>	www.shp.com
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:</b>	số 0303416670 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/12/2020



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ BỘ MÁY

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm:

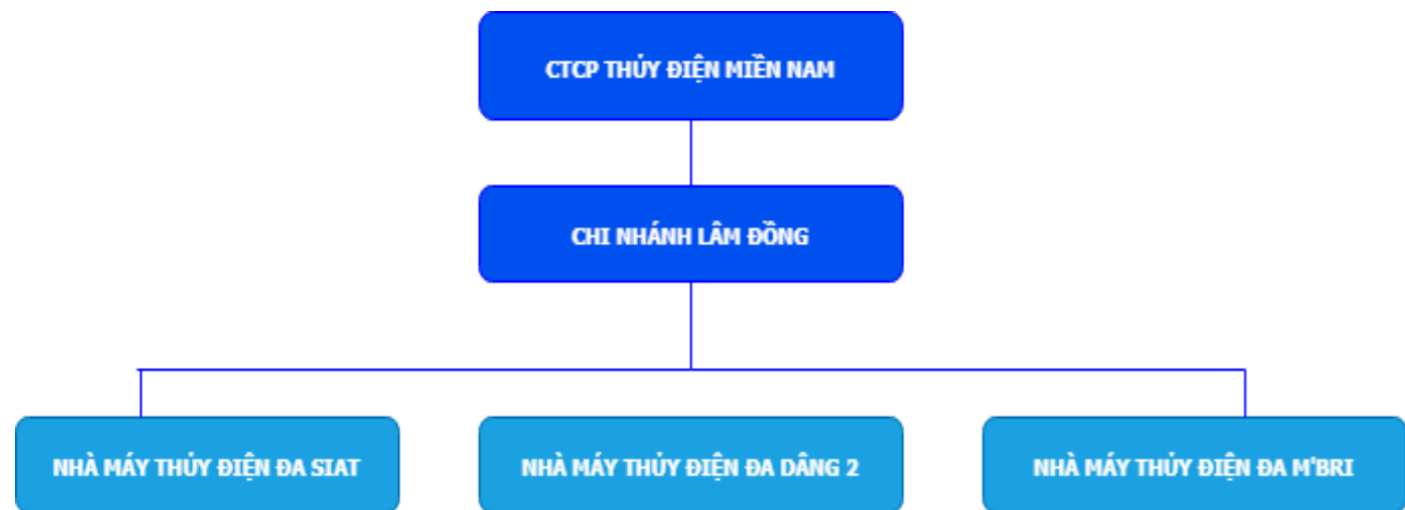
- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng Giám đốc;

Các Phòng ban và Khối chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Tổng hợp, Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Phòng Tài chính - Kế toán.



## CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam có cơ cấu tổ chức gồm 01 Trụ sở chính đặt tại Tp. Hồ Chí Minh, 01 chi nhánh tại Lâm Đồng; 03 Nhà máy Thủy điện Đa Sĩat, Đa Dâng 2, và Đa M'brì được xây dựng tại Lâm Đồng. Công ty không có công ty con, công ty liên kết.



Nhà máy Đa Sĩat	Nhà máy Đa Dâng 2	Nhà máy Đa M'brì
-----------------	-------------------	------------------

Công suất: 13,5 MW

Công suất: 34 MW

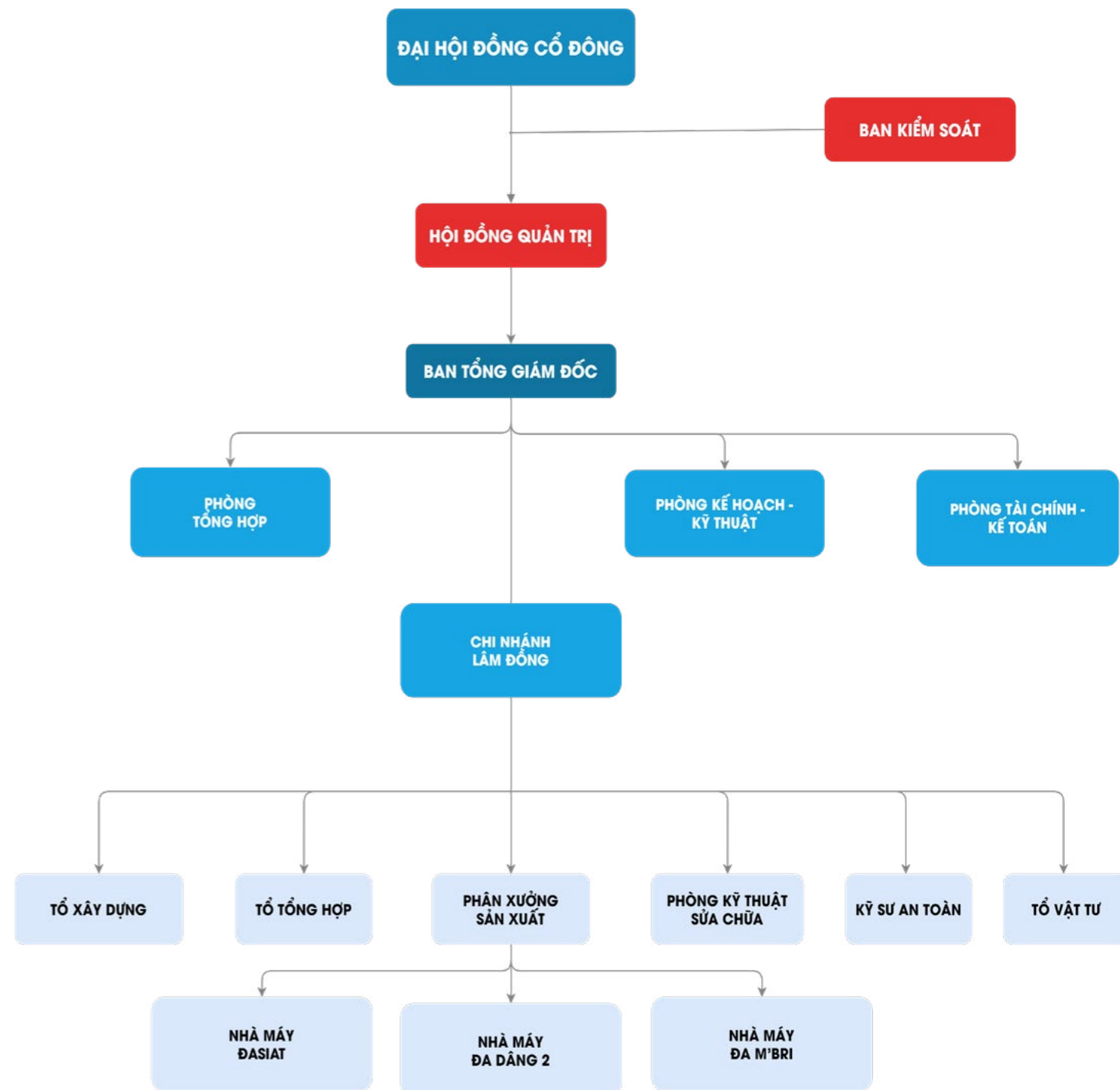
Công suất: 75 MW

Vị trí: Tại thôn 3, xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Vị trí: Tại xã Tân Thành, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Vị trí: Nằm trên địa bàn xã Lộc Tân - huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc - huyện Đa Huoai và xã Triệu Hải - huyện Đa Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



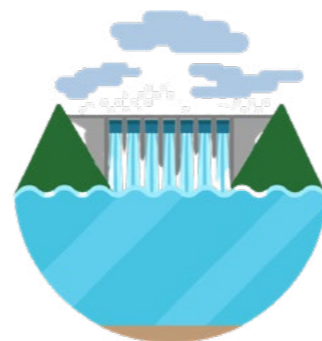
## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện.
- Kiểm định thiết bị điện.
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Đào tạo nghề.
- Sửa chữa thiết bị điện.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghệ.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Tên nhà máy	Đa Siat	Đa Dâng 2	Đa M'brì
Địa chỉ	Tại thôn 3, xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	Tại xã Tân Thành, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Xã Lộc Tân - huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc - huyện Đa Huoai và xã Triệu Hải - huyện Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng
Ngày khởi công	Năm 2005	Năm 2008	Năm 2008
Ngày phát điện	Năm 2010	Năm 2010	Năm 2014
Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	339	498	2.418
Số tổ máy (tổ)	2	2	2
Tổng công suất (MW)	13,5	34	75
Sản lượng thiết kế (triệu kWh)	60	152,11	338,2

Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam có 3 nhà máy thủy điện đang hoạt động. Các nhà máy thủy điện của SHP đều đặt tại thượng nguồn sông Đồng Nai thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, thời tiết tại Lâm Đồng có sự phân biệt giữa mùa mưa và mùa khô rõ rệt: Mùa mưa kéo dài 6 tháng (từ tháng 5 tới tháng 11 hằng năm) và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Khu vực này có lượng mưa cao và tương đối ổn định. Cả 3 nhà máy đều nằm gần thượng nguồn các dòng sông/suối, tạo nguồn nước lớn đảm bảo cho các nhà máy hoạt động.



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

### Địa bàn hoạt động

Công trình Thủy điện Đa Siat được xây dựng trên dòng chính suối Đa Siat, một nhánh bờ trái sông Đồng Nai, Cửa suối Đa Siat ở hạ lưu công trình Thủy điện Đồng Nai 3 & 4 và thượng lưu công trình Thủy điện Đồng Nai 5. Thủy điện Đa Siat được khởi công xây dựng từ tháng 6 năm 2005 có công suất lắp đặt 13,5MW với 2 tổ máy (2x6,75MW) Sản lượng điện khoảng 60 triệu kWh/năm. Nhà máy bán điện thông qua đường dây 22kV 2 mạch dài 22km được đấu vào thanh cái 22kV tại trạm 110/22KV Đăk Nông. Sau hơn 10 năm vận hành, sản lượng điện sản xuất thực tế của nhà máy đều vượt sản lượng thiết kế.

#### NMTĐ Đa Siat

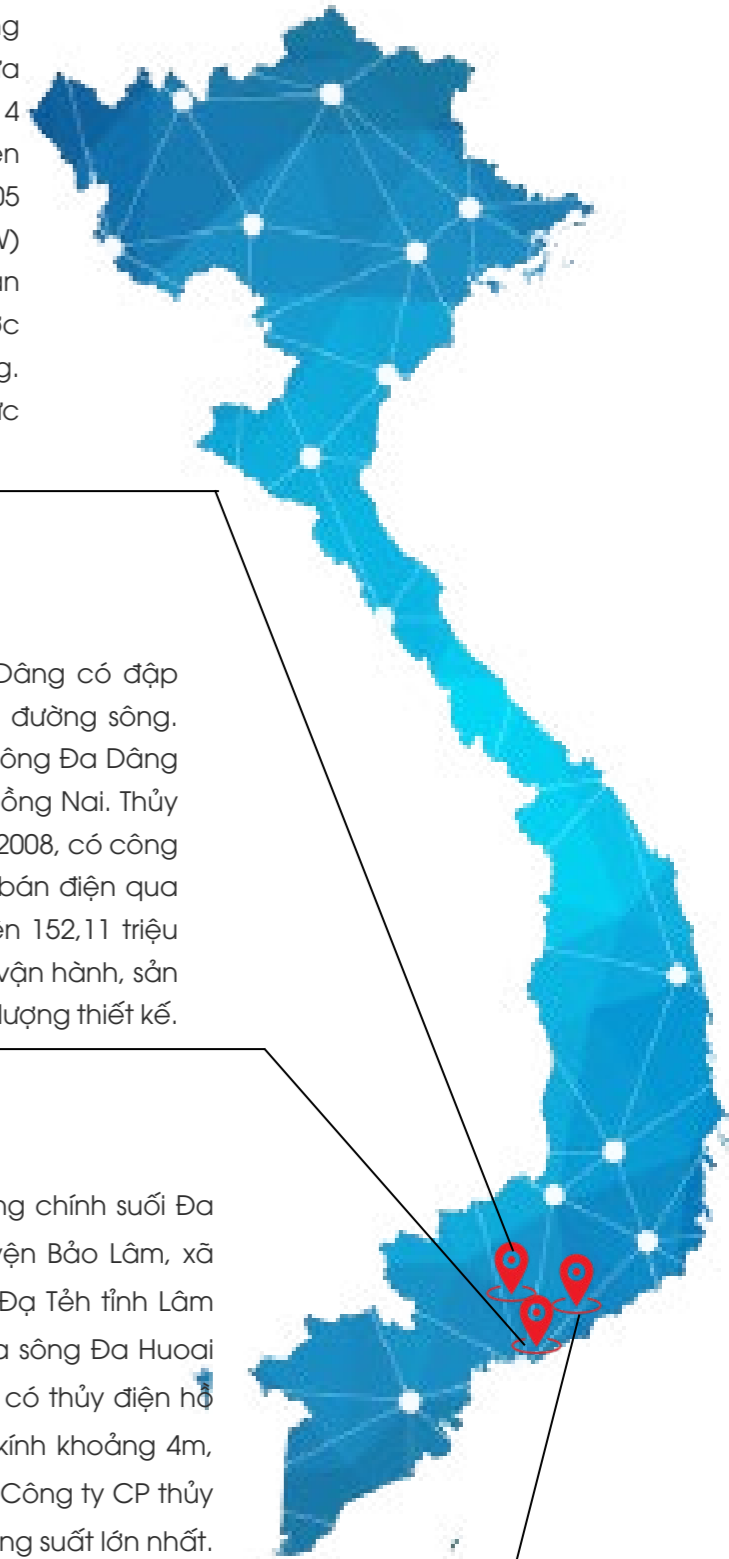
Thủy điện Đa Dâng 2 được xây dựng trên sông Đa Dâng có đập dâng đặt tại vị trí cách cửa sông khoảng 4 km theo đường sông. Kênh dẫn nước đến nhà máy thủy điện đặt ở bờ trái sông Đa Dâng tại khu vực ngã ba cửa sông Đa Dâng đổ vào sông Đồng Nai. Thủy điện Đa Dâng 2 được khởi công xây dựng từ đầu năm 2008, có công suất lắp máy 34 MW với 2 tổ máy (2x17MW), đấu nối bán điện qua đường dây 110kV mạch kép dài 7,7km, sản lượng điện 152,11 triệu kWh/năm. Tương tự nhà máy Đa Siat, sau hơn 10 năm vận hành, sản lượng điện sản xuất thực tế của nhà máy đều vượt sản lượng thiết kế.

#### NMTĐ Đa Dâng

Nhà máy Thủy điện Đa M'brì được xây dựng trên dòng chính suối Đa M'brì nằm trên địa bàn của 3 xã là xã Lộc Tân - huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc - huyện Đa Huoai và xã Triệu Hải - huyện Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng. Suối Đa M'brì là một trong hai nhánh chính của sông Đa Huoai một phụ lưu trái của Sông Đồng Nai. Đây là nhà máy có thủy điện hồ chứa điều tiết theo năm, đường hầm áp lực đường kính khoảng 4m, tổng chiều dài là 8,3 km. Trong ba dự án thủy điện do Công ty CP thủy điện miền Nam đầu tư thì đây là dự án thủy điện có công suất lớn nhất. Thủy điện Đa M'brì đấu nối vào lưới điện Quốc gia bằng đường dây mạch kép 110kV, công suất 75 MW với sản lượng 338,2 triệu kWh/năm.

#### NMTĐ Đa M'brì

Công ty con, Công ty liên kết: Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết.





### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ◇ Luôn hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- ◇ Tăng cường công tác nghiên cứu, đầu tư cho khoa học, công nghệ, nhân lực chất lượng cao nhằm tạo ra nguồn năng lượng ngày càng hiệu quả và an toàn hơn.
- ◇ Đảm bảo vận hành hiệu quả các nhà máy Đa M'brì, Đa Siat và Đa Dâng 2. Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị. Hạn chế xảy ra sự cố trong mùa mưa và tận dụng lượng nước về để sản xuất điện.
- ◇ Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, công nhân lành nghề. Bên cạnh đó, Công ty nghiên cứu, đầu tư trang thiết bị chuyên dùng nhằm nâng cao năng lực sản xuất.

### Chiến lược trung và dài hạn

- ◇ Phát triển SHP thành một nhà đầu tư trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo tại Việt Nam với trọng tâm đầu tư nguồn năng lượng thủy điện, gió, mặt trời nhằm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ cung cấp năng lượng đi kèm với gìn giữ, bảo vệ môi trường.
- ◇ Nghiên cứu thị trường điện bán buôn nhằm đưa ra các định hướng, chiến lược phù hợp để tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành khác.
- ◇ Đảm bảo các thiết bị điện vận hành an toàn liên tục, tiết kiệm, hiệu quả. Đồng thời duy trì sản lượng điện sản xuất theo kế hoạch, giảm thiểu tối đa các chi phí sản xuất, gia tăng lợi nhuận.



Duy trì môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp” hiện có của Công ty, tổ chức thu gom rác, xử lý rác thải và phổ biến, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty để mọi người đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường

### Các mục tiêu phát triển bền vững

Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường như: Trồng rừng, tái tạo lại đất, giám sát chất lượng môi trường, theo quy định của Chính Phủ và hướng dẫn của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Thường xuyên kết hợp với cơ quan ban ngành tại địa phương, các tổ chức xã hội nhằm hỗ trợ các gia đình khó khăn, đồng bào thiếu số, vùng sâu vùng xa, ...



**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

## CÁC RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế thế giới, năm 2020 được xem là năm có nền kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng lớn nhất trong vòng 30 năm đổ lại. Nhiều quốc gia không thể phản ứng kịp thời trước đại dịch Covid-19 dẫn đến việc lây nhiễm cộng đồng, gây tác động tiêu cực đến nền kinh tế chung. Tuy nhiên, Việt Nam là một trong số ít các quốc gia đã tổ chức phòng chống dịch rất hiệu quả khi có những biện pháp giãn cách xã hội sớm và kịp thời để hạn chế lây lan của dịch bệnh. Trong năm 2020, GDP của Việt Nam tăng trưởng nhẹ 2,91%. Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp chạm mức 4% và tỷ lệ lạm phát tăng lên 3,85% so với cùng kỳ. Các chỉ số trên dự báo một năm kinh tế tăng trưởng chậm, nhưng đây vẫn là tín hiệu rất tốt so với mặt bằng chung trong bối cảnh vaccine phòng dịch Covid-19 đang được nghiên cứu và chờ cấp phép sản xuất ra thị trường. Do đó, nhu cầu tiêu thụ điện sẽ tăng cao khi tiềm năng tăng trưởng từ nền kinh tế được phục hồi ổn định trong năm 2021. (Số liệu theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội trong nước tháng 12 và năm 2020 của Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố)

Ngành điện là một trong số ngành ít chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 khi nhu cầu phụ tải tiêu thụ điện



tăng trưởng 7,5% so với cùng kỳ. Năm 2021 nền kinh tế Việt Nam được kì vọng sẽ hồi phục mạnh mẽ và dự báo doanh thu về ngành điện tăng đáng kể. Ban lãnh đạo SHP chủ động theo dõi diễn biến thị trường điện tại Việt Nam để đưa ra các phương án kịp thời, đảm bảo Công ty đi đúng tiến độ và đạt được mục tiêu mà ĐHCĐ đã đề ra.

### Rủi ro lãi suất

Đặc thù ngành điện là cần sử dụng vốn vay dài hạn để đầu tư các dự án thủy điện cũng như cho các hoạt động sửa chữa, đại tu, vận hành hệ thống điện. Năm 2020, các khoản nợ dài hạn của SHP từ các tổ chức tín dụng trong nước đạt gần 400 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng hơn 20% tổng tài sản (theo số liệu BCTC được kiểm toán năm 2020). Vốn vay và lãi suất phải trả đã được dự tính trong chi phí sản xuất kinh doanh và đầu tư doanh nghiệp trong năm. Do đó, chỉ một sự biến động nhỏ của lãi suất thả nổi trên thị trường sẽ gây ảnh hưởng đến phương án dự phòng của doanh nghiệp đã đề ra. Để đề phòng rủi ro về lãi suất biến đổi, doanh nghiệp đưa ra các dự báo đánh giá xu hướng thị trường và giám sát chặt chẽ tình hình biến động lãi suất của ngành ngân hàng trong suốt quá trình hoạt động



## CÁC RỦI RO

### Rủi ro đặc thù ngành

#### Rủi ro độc quyền

Từ trước đến nay, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nắm giữ vai trò lớn trong việc chi phối độc quyền điện tại Việt Nam. Tập đoàn kiểm soát hầu như tất cả các khâu trong chuỗi giá trị ngành nên các nhà máy điện sẽ bị động trong công tác định điều tiết từ EVN và Bộ Công Thương. Việc này tác động tiêu cực đến các chiến lược đầu tư, phương án phát triển đối với các doanh nghiệp ngành điện nói chung và SHP nói riêng tại thị trường Việt Nam.

Bên cạnh đó, rủi ro độc quyền còn ảnh hưởng đáng kể đến khả năng huy động vốn đầu tư trong nước lẫn đầu tư nước ngoài bởi một số rào cản do chính sách độc quyền tạo ra; từ đó ảnh hưởng không nhỏ tới việc phát triển ngành điện tại Việt Nam, là một trong những ngành có nhu cầu về vốn lớn.

Tuy giá bán điện chịu sự quản lý gắt gao nhưng bù lại các hợp đồng mua bán điện được ký trong khoảng thời gian dài sẽ được đảm bảo đầu ra góp phần giữ ổn định trong doanh thu của Công ty. Ngoài ra, Chính phủ đang thực thi các dự án theo mô hình điện bán lẻ cạnh tranh và cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước nhằm từng bước phá bỏ vai trò độc quyền của EVN tại thị trường điện Việt Nam, tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh, giúp tăng tính hiệu quả và năng suất hoạt động của các đơn vị điện lực.

#### Rủi ro vận hành

Nhà máy thủy điện thường được xây dựng với số vốn đầu tư ban đầu rất lớn. Trong quá trình vận hành nhà máy, việc xảy ra sự cố và hư hỏng có thể gây ra thiệt hại không hề nhỏ tới hoạt động kinh doanh của Công ty kéo theo chi phí sửa chữa lớn. Đây sẽ là một thách thức mà Công ty cần phải vượt qua để đảm bảo vận hành hiệu quả và an toàn cho cả toàn hệ thống. Để đảm bảo thiết bị vận hành ổn định, liên tục, đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị thì công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị là một công việc hết sức quan trọng. Hiểu rõ được điều đó, ban lãnh đạo SHP đã rất chú trọng vào công tác này và không ngừng cải tiến, thay đổi để để thiệt hại từ sự cố được giảm thiểu tối đa.

#### Rủi ro khác

Các yếu tố thiên tai như đại dịch, cháy rừng, hay lũ lụt xảy ra trong những năm gần đây ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, làm trì trệ khả năng sản xuất và chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Để giảm thiểu rủi ro do những tác động không thể dự báo trước, doanh nghiệp đề ra các phương án cụ thể, thành lập các đội ứng phó khẩn cấp, và tổ chức diễn tập. Ngoài ra, SHP tiến hành mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản nhằm đảm bảo thiệt hại cho công ty, cán bộ công nhân viên và nhà đầu tư.



#### Rủi ro thời tiết

Sản lượng điện sản xuất tại nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào khả năng tái tạo từ yếu tố thiên nhiên và khả năng dự trữ lượng nước của các hồ chứa. Vào những thời điểm hạn hán kéo dài trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn ra phức tạp, việc đảm bảo được lượng nước đầy đủ cho việc sản xuất điện tiêu dùng là một thử thách hết sức khó khăn. Cụ thể, do thời tiết 6 tháng đầu năm 2020 không thuận lợi, lưu lượng nước về bình quân giảm so với cùng kỳ năm trước làm cho tổng sản lượng phát điện của Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Nam giảm 5% so

với năm 2019 dẫn đến tình trạng thiếu hụt sản lượng điện sản xuất. Bên cạnh nhiệm vụ phát điện, nhà máy thủy điện còn phải đảm bảo nguồn cung cấp nước chống hạn vào mùa khô và điều tiết giảm lũ cho vùng hạ du trong mùa mưa bão hằng năm. Để ứng phó với các tình trạng này, doanh nghiệp phải luôn theo dõi và nắm bắt thông tin từ Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia để có những hành động và kế hoạch nhanh chóng giúp ứng phó với những biến đổi này cũng như xây dựng phương án phát điện tối ưu.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

---

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường & cộng đồng



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Tình hình chung ngành năng lượng 2020

Trong năm 2020, ngành điện đối diện với rất nhiều khó khăn, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo Báo cáo triển vọng 2021 của FPTIS, nhu cầu tiêu thụ điện giảm tốc và không đạt được mức độ tăng trưởng dự kiến do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài. Cụ thể, sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống năm 2020 là 247,08 tỷ kWh, điện thương phẩm đạt 216,95 tỷ kWh, lần lượt tăng 2,9% và 3,42% so với năm 2019.

Thực trạng ngành điện chịu tác động từ hai phía cung và cầu do các yếu tố khách quan bên cạnh dịch Covid-19 trong năm 2020 vừa qua. Diễn biến khí hậu cực đoan ảnh hưởng tiêu cực tới nguồn cung từ các nhà máy thủy điện và các loại hình phát điện khác. Riêng thủy điện có tỷ trọng khá lớn trong việc cung cấp điện cho cả nước, chiếm hơn 30% trong tổng công suất nguồn điện năm 2020. Tình

hình thủy văn không thuận lợi do hạn hán kéo dài sẽ ảnh hưởng rất lớn tới tổng nguồn cung điện, có thể dẫn tới tình trạng thiếu hụt điện trên phạm vi cả nước.

Theo tính toán của Bộ Công Thương trong Báo cáo 58/BC-BCT được công bố T6/2019, việc chậm tiến độ thực hiện các dự án điện trong quy hoạch điện VII có thể tạo ra tình trạng thiếu điện trong giai đoạn 2021-2025. Với tình hình chậm tiến độ và nguy cơ thiếu điện kể trên, Chính phủ đã phải ban hành chính sách ưu đãi (cơ chế giá FIT) nhằm phát triển các loại hình điện năng lượng tái tạo. Công suất nguồn điện tái tạo, đặc biệt là điện mặt trời tăng trưởng mạnh trong năm 2020 đã phần nào bù đắp lại lượng công suất thiếu hụt kể trên.

### Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020 của SHP

Công ty hiện đang sở hữu 3 nhà máy thủy điện với tổng công suất thiết kế là 122,5 MW, bao gồm: Nhà máy Đa Siat (13,5 MW), nhà máy Đa Dâng 2 (34 MW) và Đa M'brí (75 MW). Cả 3 nhà máy thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng - là nơi nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa nên lượng mưa cao và tương đối ổn định. Ngoài ra, vị trí các nhà máy đều nằm ở thượng nguồn sông Đồng Nai và gần thượng nguồn các dòng sông/suối, tạo nguồn nước lớn đảm bảo cho các nhà máy hoạt động ổn định mỗi năm.

Đặc thù của ngành thủy điện là sản xuất điện từ nguồn nước thiên nhiên nên phụ thuộc rất nhiều vào lượng mưa tại khu vực. Sản lượng điện sản xuất vào các tháng mùa mưa (tháng 5 - tháng 11) thường cao gấp đôi sản lượng vào mùa khô (tháng 12 - tháng 4). Tuy nhiên, năm nay tình hình hạn hán kéo dài hơn so với năm trước nên doanh thu của Công ty không đạt được như kế hoạch đã đề ra từ đầu năm.

Do hiện tượng El Nino kéo dài từ cuối năm 2019, thời tiết mùa khô năm 2020 tại các vùng khu vực phía Nam (Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Nam Bộ) chịu ảnh hưởng nặng nề của tình trạng hạn hán nên lưu lượng nước về bình quân giảm so với cùng kỳ năm trước làm cho sản lượng phát điện tại các nhà máy thủy điện SHP trong 6 tháng đầu năm giảm gần 5%. Riêng tại nhà máy Thủy điện Đa M'brí, tổ máy H1 và H2 ngừng vận hành để trùng tu và sửa chữa từ tháng 8 cho đến hết tháng 10/2020. Đây là nhà máy chủ lực có tổng công suất lớn nhất và mang lại doanh thu cao nhất mỗi năm cho SHP nên việc ngừng vận hành nhà máy đã tác động không nhỏ tới kết quả hoạt động kinh doanh của SHP trong năm 2020. Bên cạnh đó, giá bán điện trong năm giảm để phục vụ cho lợi ích của xã hội nên các công ty điện nói chung và SHP nói riêng không thể tránh khỏi việc doanh thu sụt giảm. Vì các yếu tố trên nên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty không đạt được kế hoạch đã dự kiến ban đầu.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu sản lượng điện trong 4 năm (2017-2020)

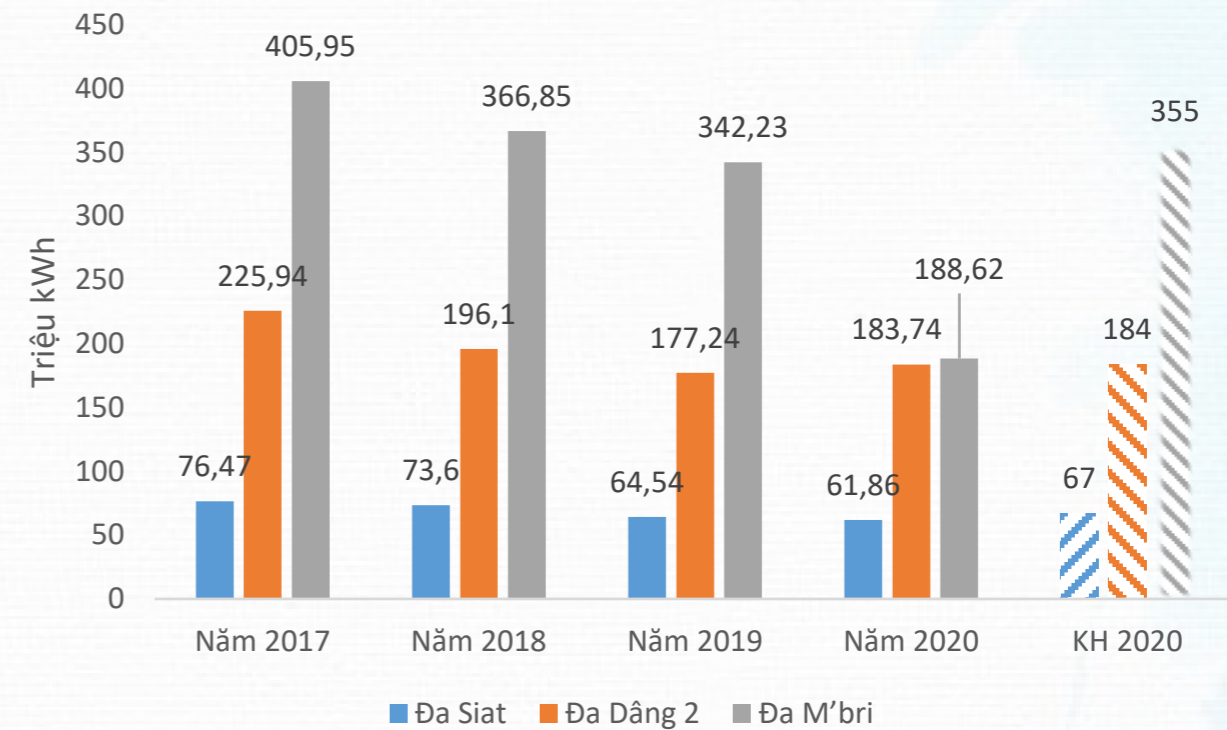
Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nhà máy	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	KH 2020	%TH/KH
1	Đa Siat	76,47	73,60	64,54	61,86	67,00	92,33%
2	Đa Dâng 2	225,94	196,10	177,24	183,74	184,00	99,86%
3	Đa M'brì	405,95	366,85	342,23	188,62	355,00	53,13%
Tổng cộng		708,36	636,55	584,01	434,22	606,00	71,65%

Do thời tiết 6 tháng đầu năm 2020 không thuận lợi, lưu lượng nước về bình quân làm cho sản lượng phát điện giảm gần 5% so với cùng kỳ năm trước. Đỉnh điểm khô hạn xảy ra vào tháng 6-7, khi dung tích nước tại hầu hết các hồ chứa thủy lợi, thủy điện chỉ đạt 30-60% dung tích thiết kế. Trong 5 tháng cuối năm sự chuyển giao từ El Nino sang La Nina tạo ra trạng thái thời tiết trái ngược hoàn toàn, thời tiết mưa nhiều làm cho lưu lượng nước về các hồ chứa tăng cao.

Cụ thể, trong năm 2020 nhà máy Thủy điện Đa Siat sản xuất 61,86 triệu kWh điện, đạt 92,33% so với kế hoạch; nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2 sản xuất 183,74 triệu kWh điện, đạt 99,86% so với kế hoạch. Riêng nhà máy Đa M'brì do ngừng vận hành từ tháng 8 cho đến hết tháng 10 nên sản lượng điện sản xuất giảm mạnh, chỉ đạt 53,13% so với kế hoạch được đề ra từ đầu năm. Trung bình, tổng sản lượng điện sản xuất trong năm 2020 tại Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Nam là 606 triệu kWh điện, đạt 71,65% so với dự kiến.

Cơ cấu sản lượng điện trong 4 năm (2017-2020)



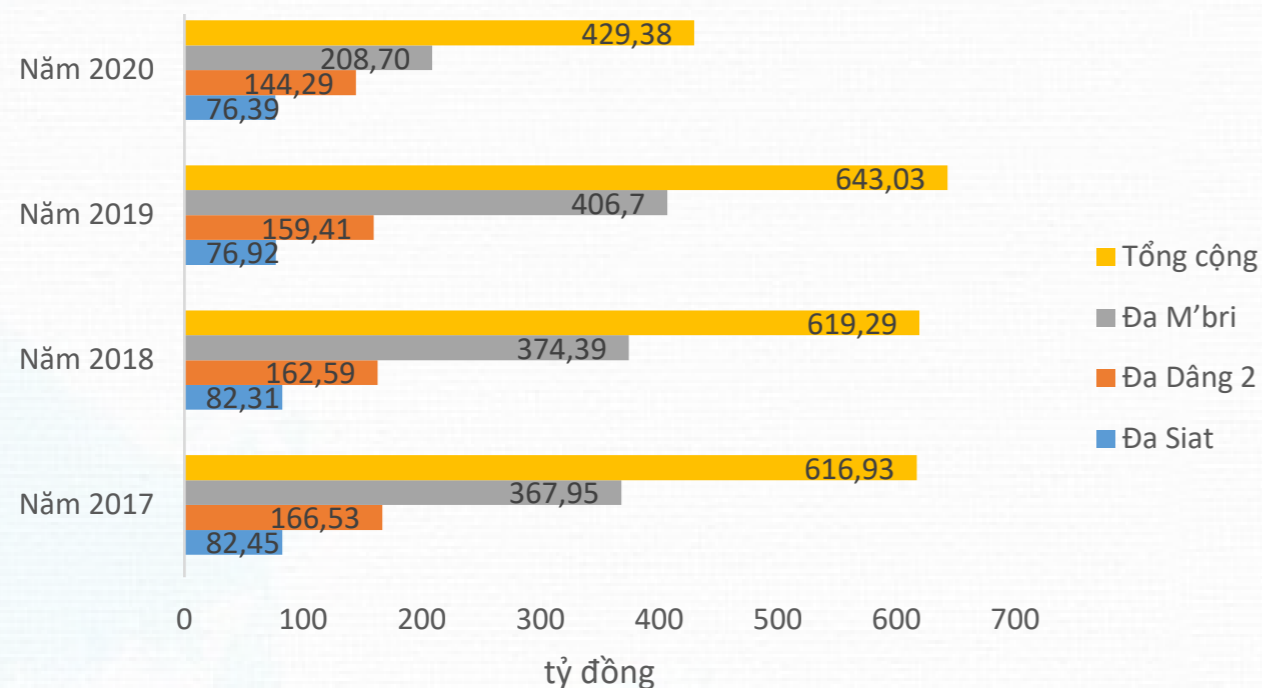
## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Cơ cấu doanh thu của các nhà máy

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nhà máy	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	KH 2020	%TH/KH
1	Đa Siat	82,45	82,31	76,92	76,39	78,00	97,94%
2	Đa Dâng 2	166,53	162,59	159,41	144,29	146,00	98,83%
3	Đa M'brì	367,95	374,39	406,7	208,70	376,00	55,50%
	Tổng cộng	616,93	619,29	643,03	429,38	600,00	71,56%

Bên cạnh sản lượng điện xuất giảm do yếu tố thời tiết, cơ cấu doanh thu của SHP phần lớn bị tác động do Công ty quyết định ngừng vận hành nhà máy Thủy điện Đa M'brì để sửa chữa, khắc phục sự cố từ tháng 8 đến hết tháng 10/2020. Nhà máy Đa M'brì luôn mang lại doanh thu cao nhất mỗi năm cho SHP nên việc ngừng vận hành nhà máy ngay tại thời điểm mùa mưa dẫn đến doanh thu giảm gần 200 tỷ đồng, tương ứng giảm 51,31% so với năm trước. Hai nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2 vẫn duy trì được đà tăng trưởng, khi lần lượt đạt 97,94% và 98,83% so với kế hoạch. Kết quả, tổng doanh thu của 3 nhà máy thuộc Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Nam trong năm 2020 ghi nhận 429,38 tỷ đồng, đạt 71,56% so với dự kiến.



### Cơ cấu chi phí kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/giảm
1	Chi phí khấu hao tài sản cố định	186,18	173,27	-6,93%
2	Chi phí nhân công	44,84	35,94	-19,85%
3	Chi phí thuế tài nguyên	54,04	40,48	-25,09%
4	Phí cấp quyền khai thác TNN	6,59	6,87	4,25%
5	Phí dịch vụ môi trường	21,02	15,63	-25,64%
6	Chi phí vật liệu, công cụ	3,31	5,94	79,46%
7	Chi phí khác	25,48	30,76	20,72%
	Tổng cộng	341,46	308,88	-9,54%

Năm 2020 là một năm khó khăn với SHP khi tổng doanh thu và sản lượng điện cả 3 nhà máy thủy điện của Công ty sụt giảm đáng kể so với năm trước. Do sản lượng phát điện giảm nên hầu hết các chi phí cố định trong khâu sản xuất của Công ty cũng được thu hẹp dựa trên tình hình kinh doanh trong năm. So với năm 2019, chi phí nhân công giảm 19,85%; chi phí thuế tài nguyên giảm 25,09%; phí dịch vụ môi trường giảm 25,64%. Riêng chi phí vật liệu, công cụ tăng do trong năm 2020 có phát sinh sửa chữa máy móc lớn (cụ thể là nhà máy Thủy điện Đa M'brì), nên chi phí này tăng 79,46% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, ba nhà máy thủy điện của Công ty được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế theo quy định hiện hành như sau:

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và Đa Siat bắt đầu hoạt động từ năm 2010 và nhà máy Thủy điện Đa M'brì bắt đầu hoạt động từ năm 2014.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Thành viên ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Thang Thanh Hà	Tổng Giám đốc	7.600	0,01%
2	Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc	48.250	0,05%
3	Bà Nguyễn Thành Tú Anh	Kế toán trưởng	0	0%

### Ông Thang Thanh Hà TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh : 25/02/1962  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện

#### Quá trình công tác :

- ◇ Từ 01/1987 - 11/1993 Kỹ sư khảo sát và giám sát xây dựng công trình tại Trung tâm Năng lượng Công ty Điện lực 2 (nay là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3).
- ◇ Từ 12/1993 - 05/1997 Nhân viên phòng Thanh tra bảo vệ - Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực miền Nam).
- ◇ Từ 06/1997 - 12/1997 Phó phòng Thanh tra Bảo vệ - Công ty Điện lực 2.
- ◇ Từ 12/1997 - 02/2001 Phụ trách phòng Thanh tra Bảo vệ - Công ty Điện lực 2.
- ◇ Từ 02/2001 - 06/2018 Trưởng phòng Thanh tra Bảo vệ - Tổng Công ty Điện lực miền Nam
- ◇ Từ 05/2004 - 07/2014 Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.
- ◇ Từ 07/2014 - 04/2016 Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam
- ◇ Từ 07/2018 - nay Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

### Ông Nguyễn Vĩnh Châu PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh : 10/08/1961  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi

#### Quá trình công tác :

- ◇ Từ 2005 - 2007 Trưởng phòng Thẩm định chế độ dự toán Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Thủy lợi 10.
- ◇ Từ 2007 - nay Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam

### Bà Nguyễn Thành Tú Anh KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày sinh : 11/05/1977  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

#### Quá trình công tác :

- ◇ Từ 2002 - 2004 Công tác tại Phòng Kế toán Tài chính Công ty điện lực 2
- ◇ Từ 2004 - nay Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam

## Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Huỳnh Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/06/2020
		Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/06/2020
2	Nguyễn Tấn Tài	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18/06/2020
3	Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 18/06/2020
4	Nguyễn Văn Danh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 18/06/2020



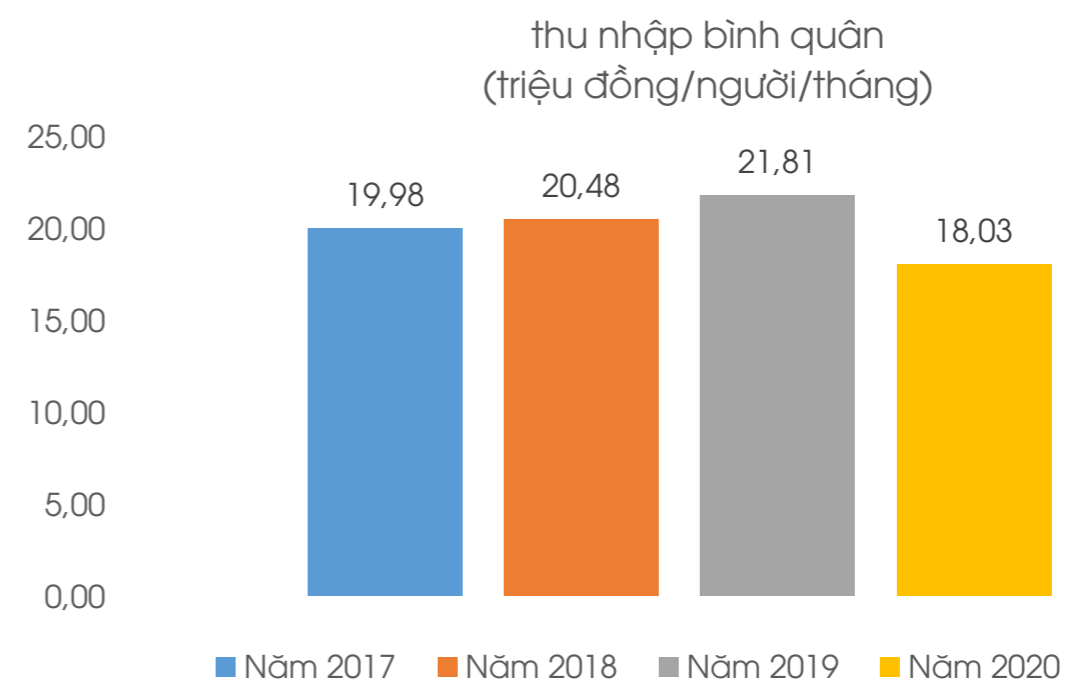
## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

### Số lượng cán bộ, công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng(người)	Tỷ lệ
<b>I Theo trình độ lao động</b>			
1	Trình độ đại học, trên đại học	63	52,94%
2	Trình độ cao đẳng	23	19,33%
4	Trình độ trung cấp	24	20,17%
5	Công nhân kỹ thuật	6	5,04%
6	Lao động phổ thông	3	2,52%
<b>II Theo loại hợp đồng lao động</b>			
1	Hợp đồng không thời hạn	113	94,96%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	1	0,84%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	5	4,20%
<b>III Theo giới tính</b>			
1	Nam	105	88,24%
2	Nữ	14	11,76%

### Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	19.980.000	20.480.000	21.810.000	18.030.000





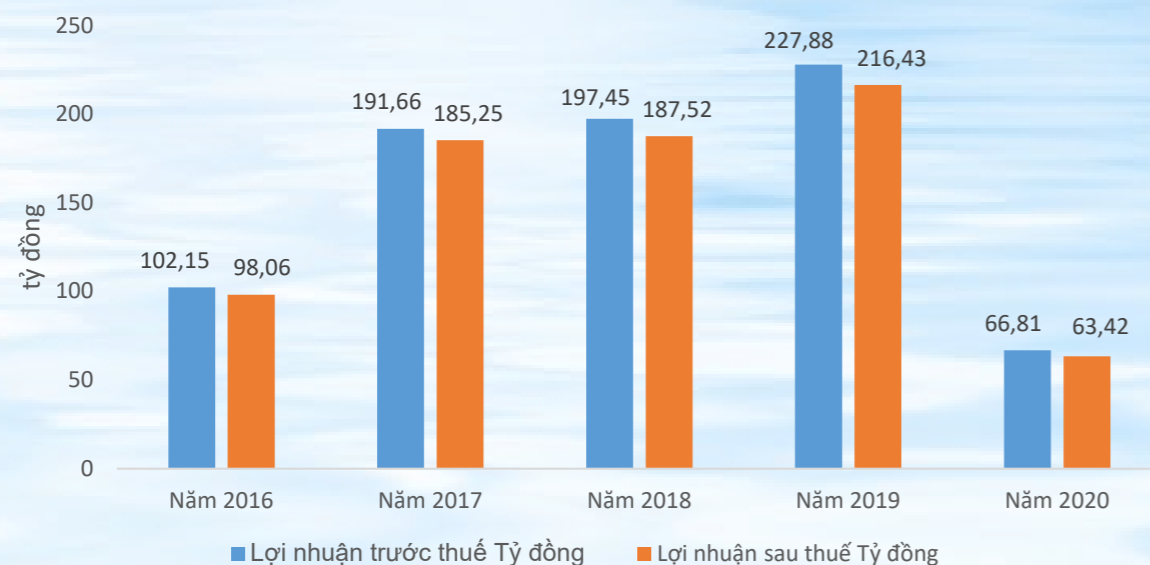
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2016-2020

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	102,15	191,66	197,45	227,88	66,81
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	98,06	185,25	187,52	216,43	63,42
Thuế suất thuế TNDN	%	5(*)	5(*)	5	5	5

(\*) Nhà máy thủy điện Đa M'brì bắt đầu hoạt động và có thu nhập từ năm 2014, nên được miễn thuế TNDN đến hết năm 2017

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2020 giảm sâu so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân do trong Quý III/2020 Công ty quyết định ngừng vận hành nhà máy Thủy điện Đa M'brì để sửa chữa, khắc phục sự cố. Đây là nhà máy có công suất lắp đặt lớn nhất của SHP, luôn đóng góp trên 50% tổng doanh thu của doanh nghiệp qua các năm. Do đó, việc ngừng vận hành nhà máy Đa M'brì trong tháng 8 và tháng 9 làm sản lượng Quý III của Công ty giảm hơn 54% và sản lượng 9 tháng đầu năm giảm 36% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù trong Quý IV nhà máy Đa M'brì được đưa vào hoạt động bình thường trở lại nhưng vẫn không thể giúp Công ty đạt được kết hoạch mà ĐHCĐ đề ra. Kết quả, lợi nhuận sau thuế năm 2020 của SHP đạt 63,42 tỷ đồng, giảm 70% so với cùng kỳ năm trước.

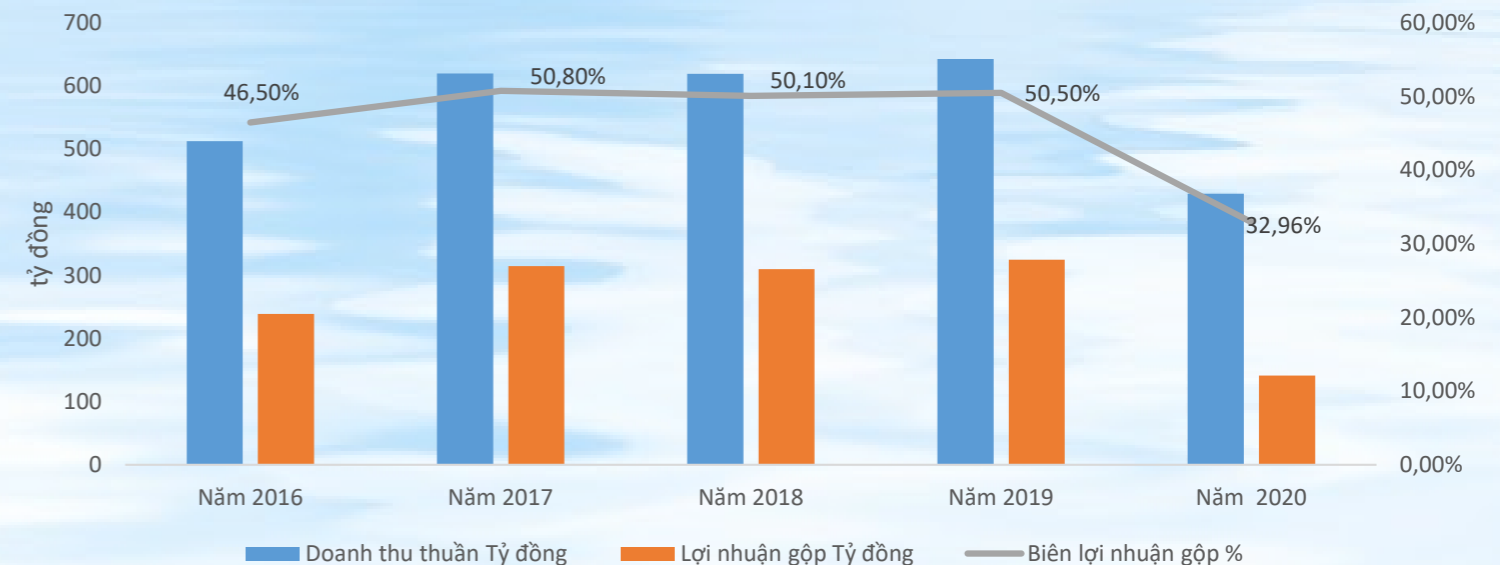


### Doanh thu và biên lợi nhuận gộp giai đoạn 2016-2020

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	512,97	619,95	619,29	643,03	429,38
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	238,7	314,83	310,01	324,67	141,52
Biên lợi nhuận gộp	%	46,5	50,8	50,1	50,5	32,96

Năm 2020, doanh thu của SHP đạt 429,38 tỷ đồng, là mức thấp nhất trong giai đoạn 5 năm đổ lại. Nguyên nhân doanh thu trong năm giảm chủ yếu do yếu tố thời tiết không thuận lợi bên cạnh việc nhà máy Thủy điện Đa M'brì ngừng vận hành để sửa chữa từ tháng 8 cho đến hết tháng 10/2020. Đây là giai đoạn mùa mưa nên việc ngừng vận hành nhà máy Thủy điện Đa M'brì đã tác động không nhỏ tới kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của SHP.

Về chi phí, SHP hầu như không có biến động nhiều vì phần lớn chi phí của Công ty là chi phí cố định. Vì sản lượng phát điện trong năm 2020 thấp hơn so với mọi năm nên chi phí thuế tài nguyên nước, phí dịch vụ môi trường giảm theo nhưng không đáng kể. Doanh thu thuần giảm mạnh trong khi chi phí giảm không đáng kể; kết quả, biên lợi nhuận gộp của SHP trong năm 2020 đạt 32,96%, giảm 17,54% so với cùng kỳ năm trước.

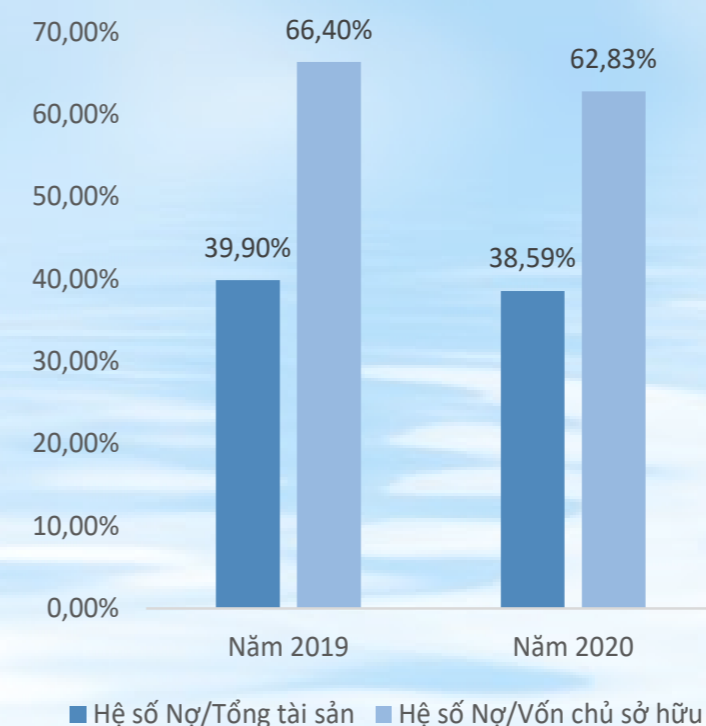
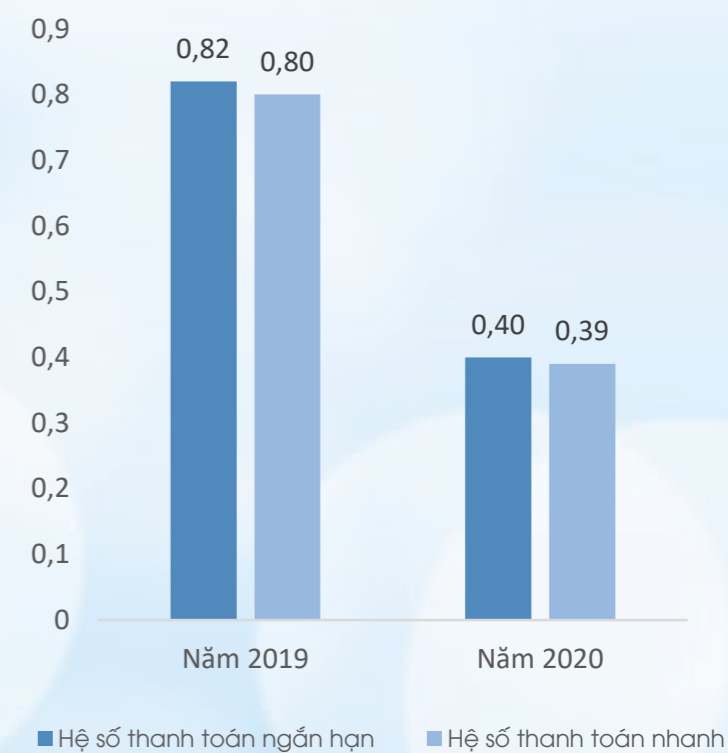


**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,82	0,4
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,80	0,39
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	39,90	38,59
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	66,40	62,83
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	114,03	77,32
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,29	0,22
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	33,70	14,77
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	17,40	5,34
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	9,80	3,24
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	35,40	15,47

**Chỉ tiêu khả năng thanh toán**

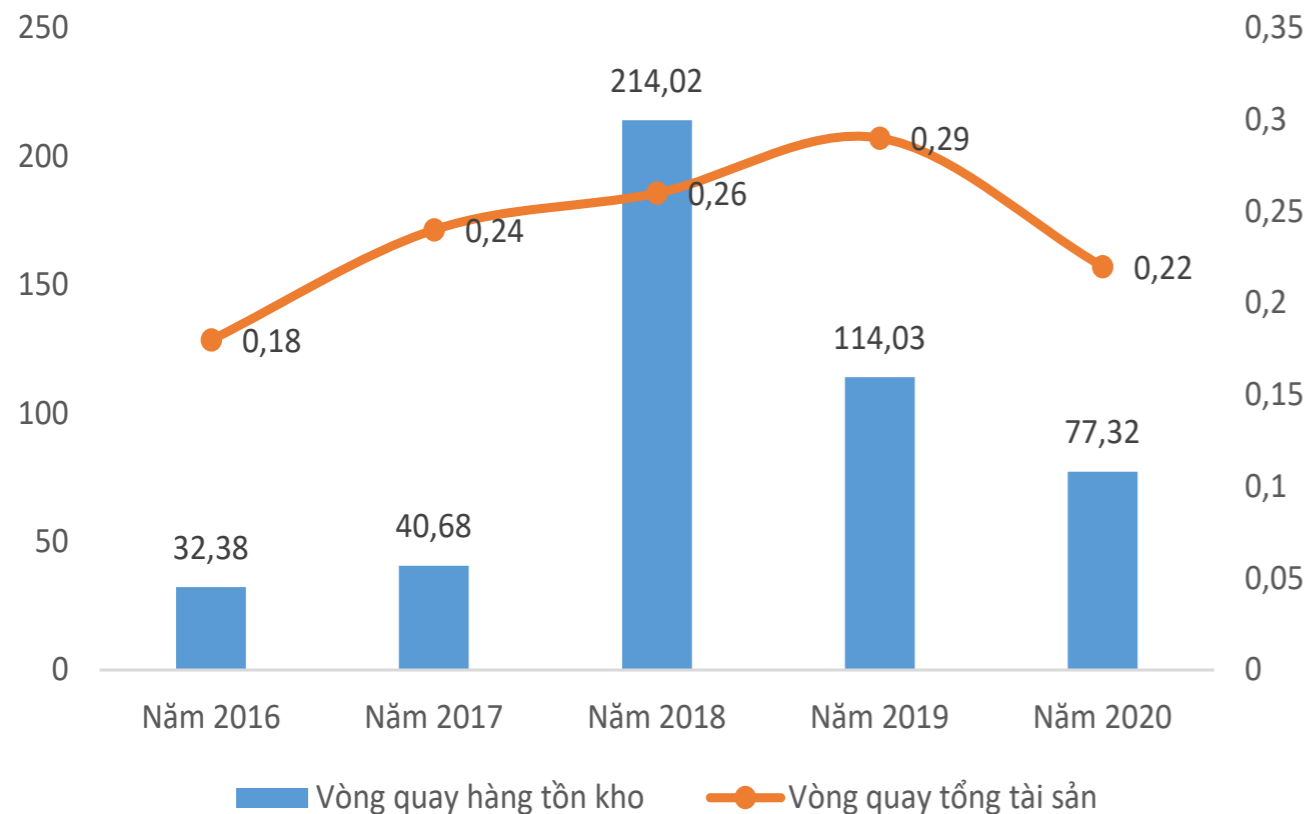
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty giảm mạnh trong năm 2019. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ mức 0,82 năm 2019 xuống 0,40 năm 2020. Hệ số thanh toán nhanh năm 2020 đạt 0,39 lần, giảm mạnh so với mức 0,80 năm trước. Nguyên nhân sự suy giảm của các hệ số thanh toán này là do tài sản ngắn hạn của Công ty giảm mạnh trong khi nợ ngắn hạn tăng trong năm 2020. Cụ thể, tiền và các khoản tương đương tiền giảm 78,49 tỷ đồng, được dùng để thanh toán các khoản nợ gốc vay và thực hiện các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, và sửa chữa nhà máy. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng tiền mặt để chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 20% tiền mặt (1 cổ phiếu nhận được 2.000 đồng), mức cổ tức này vẫn thực hiện đúng theo kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đặt ra từ đầu năm.

**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Cơ cấu vốn của Công ty luôn được duy trì ở mức hợp lý. Trong đó, Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 38,59% và 62,83%, có xu hướng giảm so với năm 2019. Nguyên nhân do nợ phải trả chỉ còn 704 tỷ đồng, giảm khoảng 15% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, Công ty giảm mạnh nợ vay dài hạn, ưu tiên nguồn lực tự có để hạn chế gánh nặng chi phí lãi vay. Các chỉ số này được duy trì ổn định và có xu hướng giảm nên tỷ lệ đòn bẩy của Công ty luôn ở mức an toàn. Cấu trúc tài chính ổn định trong khi doanh nghiệp luôn có kế hoạch gia tăng công suất phát điện hàng năm cho thấy Công ty có định hướng rõ ràng giữa việc nâng cao khả năng hoạt động sản xuất kinh doanh và cân đối nguồn vốn.

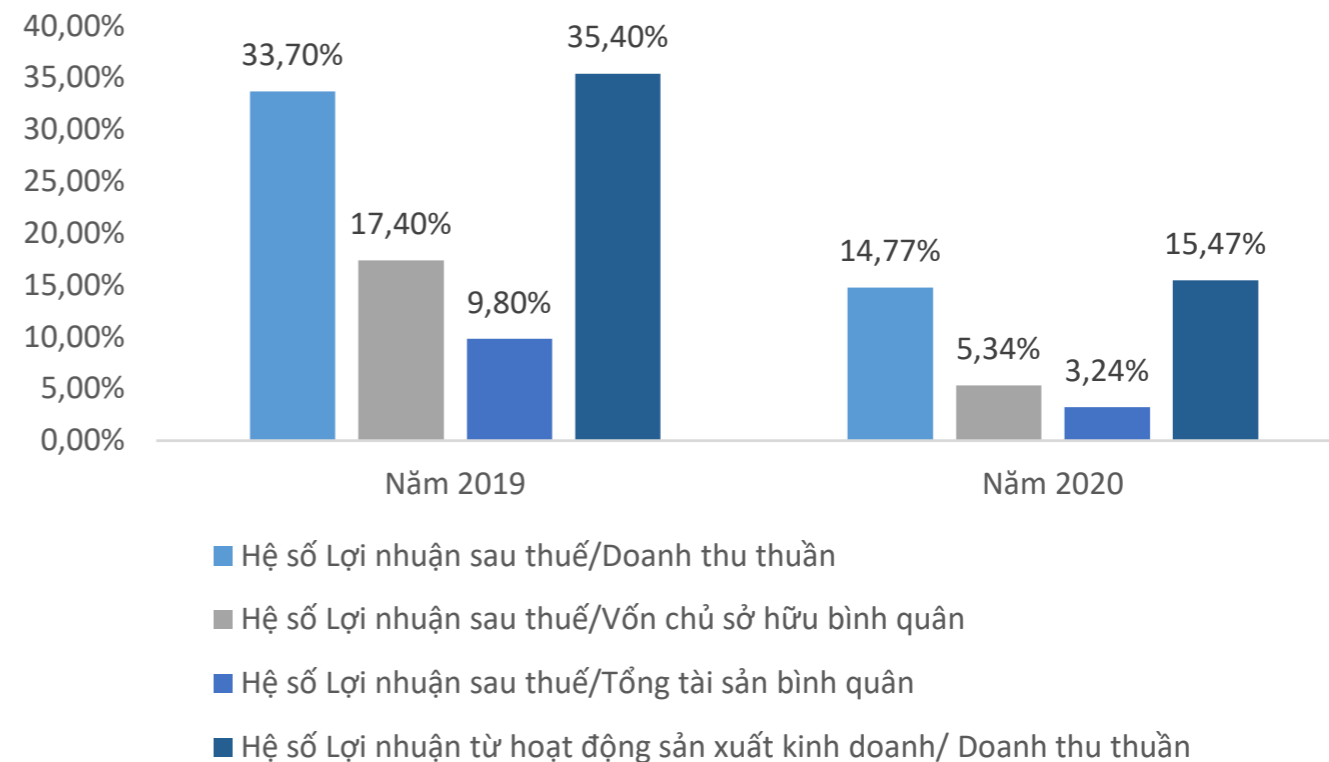
**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**

Phần lớn hàng tồn kho của Công ty là các thiết bị, vật tư chủ yếu được dùng trong tác sửa chữa các nhà máy thủy điện định kỳ, nên chỉ số vòng quay hàng tồn kho đối với doanh nghiệp ngành thủy điện tại Việt Nam rất lớn. Vòng quay tổng tài sản năm 2020 của SHP là 0,22 vòng, giảm nhẹ so với năm 2019. Nguyên nhân do trong năm 2020 doanh thu thuần của Công ty không đạt được kế hoạch bởi một số yếu tố khách quan như tình hình thủy văn không thuận lợi bên cạnh dịch Covid-19 hoành hành dẫn đến nhu cầu tiêu thụ điện năng giảm nên vòng quay tổng tài sản năm nay có sự giảm sút.



**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:**

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2020 của Công ty giảm một cách rõ rệt sau khi trải qua một năm thời tiết không thuận lợi bên cạnh các chi phí sửa chữa lớn. Biên lợi nhuận của Công ty năm 2020 đạt 14,77%, giảm so với mức 33,70% của năm 2019. Các chỉ số ROE, ROA cũng giảm so với năm trước, lần lượt đạt 5,34% và 3,24% năm 2020. Sự sụt giảm trên do lợi nhuận sau thuế của SHP âm lũy kế 9 tháng đầu năm. Do đặc thù của ngành thủy điện cho nên sản lượng điện 6 tháng đầu năm chỉ bằng tối đa 30% sản lượng cả năm, nên thông thường doanh thu Quý I và Quý II thấp hơn so với các quý khác trong năm. Tuy nhiên, từ cuối Quý III cho tới đầu Quý IV/2020 nhà máy Thủy điện Đa M'بری ngừng vận hành cho việc trùng tu và sửa chữa. Đây là nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất và mang lại doanh thu cao nhất cho SHP, vì thế việc nhà máy ngừng vận hành từ tháng 8 cho tới hết tháng 10/2020 (giai đoạn mùa mưa) đã tác động tác trực tiếp lên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong năm 2020



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phiếu

#### Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

◇ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 93.710.200 cổ phiếu

◇ Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Vốn điều lệ Công ty: 937.102.000.000 đồng

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

### Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>3.271</b>	<b>89.032.026</b>	<b>890.320.260.000</b>	<b>95,01%</b>
1	Cổ đông nhà nước	1	45.784.358	457.843.580.000	48,86%
2	Cổ đông tổ chức	23	25.612.212	256.122.120.000	27,33%
3	Cổ đông cá nhân	3.247	17.635.456	176.354.560.000	18,80%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>20</b>	<b>4.678.174</b>	<b>46.781.740.000</b>	<b>4,99%</b>
1	Cá nhân	16	89.010	890.100.000	0,09%
2	Tổ chức	4	4.589.164	45.891.640.000	4,90%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Tổng cộng	3.291	93.710.200	937.102.000.000	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Kinh doanh đặc thù trong lĩnh vực thủy điện, SHP không phát sinh chi phí cho nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất trực tiếp vì nguyên liệu chủ yếu mà công ty sử dụng để tạo ra sản phẩm là nước từ các sông, suối ngay tại địa phương có nhà máy thủy điện; vì vậy, chi phí đầu vào cho nguyên liệu gần như không phát sinh. Về đầu ra, sản phẩm của công ty là năng lượng, do đó sản phẩm sau khi sản xuất được truyền tải trực tiếp vào hệ thống điện lưới quốc gia, không phát sinh chi phí bao bì đóng gói sản phẩm.

### Tiêu thụ nước

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước thu về/đạt được trong năm 2020	Đơn vị tính
1	Suối Đa Siat cung cấp nước cho Nhà máy Đa Siat	157.356.000	m <sup>3</sup>
2	Suối Đa Dâng 2 cung cấp nước cho Nhà máy Đa Dâng 2	1.170.963.734	m <sup>3</sup>
3	Suối Đa M'brì cung cấp nước cho Nhà máy Đa M'brì	291.556.800	m <sup>3</sup>

Tổng kết tình hình sử dụng nước trong năm tại các nhà máy

STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng	Đơn vị tính
<b>1</b>	<b>Sử dụng phát điện</b>	<b>1.185.070.263</b>	<b>m<sup>3</sup></b>
	Nhà máy Đa Siat	109.791.072	m <sup>3</sup>
	Nhà máy Đa Dâng 2	877.952.823	m <sup>3</sup>
	Nhà máy Đa M'brì	197.326.368	m <sup>3</sup>
<b>2</b>	<b>Sử dụng cho sinh hoạt</b>	<b>240</b>	<b>m<sup>3</sup></b>

### Tiêu thụ năng lượng

SHP sử dụng nguồn nước đồng thời là nguồn đầu vào để sản xuất điện, hiện tại SHP đầu tư tổng cộng 03 nhà máy thủy điện, chủ yếu tại khu vực Nam Tây Nguyên. Nhìn chung, hệ thống sông ở vùng Tây Nguyên có nhiều tiềm năng về thủy điện nên việc khai thác nguồn cung cấp nước cho Công ty ít gặp khó khăn. Cụ thể, nguồn cung cấp nước cho SHP là phụ lưu sông Đồng Nai và các nhánh suối khác thuộc lưu vực Sông Đồng Nai. Tuy nhiên, việc xây dựng các công trình thủy điện có thể làm thay đổi chế độ dòng chảy, gây tác động một phần môi trường tự nhiên cũng như môi trường kinh tế xã hội trong khu vực dự án.

Để vận hành các thiết bị tại nhà máy, cũng như quản lý tại các văn phòng, Công ty sử dụng nguồn năng lượng chủ yếu từ điện năng. Tổng sản lượng điện dùng cho sản xuất và quản lý tại văn phòng trong năm qua là 3.024.772 kWh. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, SHP còn sử dụng một số năng lượng thiết yếu khác như xăng, dầu cho quá trình vận chuyển, gas và khí đốt.

Là đơn vị sản xuất năng lượng, SHP ý thức được việc thực thi tiết kiệm năng lượng, không chỉ trong quá trình sản xuất nhằm đảm bảo lợi ích Công ty mà còn tiết kiệm trong cả quá trình quản lý với mục tiêu càng tiết giảm thất thoát là càng góp phần làm xanh môi trường

STT	Tổng năng lượng phân loại theo từng nguồn	Năm 2020
<b>I</b>	<b>Tổng năng lượng tiêu thụ (kWh)</b>	<b>3.024.772</b>
1	Điện dùng trong quản lý văn phòng (kWh)	38.251
-	Văn phòng HCM	16.651
-	Chi nhánh	21.600
2	Điện dùng trong sản xuất (kWh)	2.986.521
-	Điện tự dùng cho sản xuất	2.254.111
-	Điện mua dùng cho sản xuất	732.410
<b>II</b>	<b>Tổng năng lượng tiêu thụ (lít)</b>	<b>52.918</b>
1	Xăng, Dầu... trong sản xuất (lít)	9.794
2	Xăng, Dầu... trong quản lý văn phòng (lít)	43.124
-	Dầu DO (lít)	33.466
-	Xăng 92/95 (lít)	9.658
<b>III</b>	<b>Tổng năng lượng tiêu thụ (40 lít khí oxy/ bình)</b>	
-	Gas, Khí đốt... trong sản xuất (40 lít khí oxy/ bình)	5 bình Ni tơ; khí gaz 7 bình; khí oxy 45 bình; argon 90 bình

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Việc thực hiện trách nhiệm xã hội sẽ giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển bền vững, thông qua các hoạt động như tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên... SHP cam kết luôn thực hiện đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cán bộ nhân viên công ty tích cực tham gia các phong trào vì môi trường do Công ty và chính quyền địa phương tổ chức.

### Chính sách liên quan đến người lao động

Người lao động làm việc tại Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam được hưởng đầy đủ các chế độ lương, thưởng, trợ cấp theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, công đoàn và các đoàn thể của Công ty thường xuyên quan tâm đến các phong trào thi đua lao động sản xuất, khen thưởng kịp thời, quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động:

◇ Chính sách đào tạo: Công tác đào tạo được Công ty coi trọng, Công ty thường xuyên mở lớp đào tạo ngắn hạn về giám sát công trình, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách thuế, và đào tạo cho lực lượng chuẩn bị sản xuất, vận hành máy giúp cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ, chuyên môn. Hàng năm Công ty đều tổ chức đào tạo, kiểm tra giữ bậc và nâng bậc cho lực lượng vận hành, phối hợp với Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia đào tạo và thi trường ca vận hành cho một số nhân sự.



- ◇ Chính sách tiền lương: Đối với chế độ tiền lương, Công ty tuân thủ theo Luật Lao động và Quy chế nâng bậc lương của Công ty đã ban hành.
- ◇ Chính sách phúc lợi và khen thưởng: Công ty thực hiện tốt các chế độ phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ nghỉ phép, v.v cho cán bộ công nhân viên. Định kỳ hằng năm, Công ty tổ chức cho người lao động được đi tham quan, du lịch nghỉ dưỡng; tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ; tổ chức thăm hỏi, động viên người lao động bị ốm đau, có hoàn cảnh khó khăn; khen thưởng thành tích trong học tập cho con em người lao động. Ngoài ra, Công ty thực hiện chế độ thưởng bằng tiền mặt vào các ngày lễ lớn trong năm và thưởng lương tháng 13 và các khoản thu nhập bổ sung dịp Tết Nguyên đán.



### Môi trường làm việc

Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và chuyên nghiệp để mọi cá nhân có thể phát huy hết khả năng của mình phục vụ cho công việc chung. Các chính sách của công ty luôn hướng về tinh thần đoàn kết giữa Ban Điều hành với người lao động cũng như giữa người lao động với nhau. Điều này giúp cho tinh thần làm việc của công ty luôn đạt hiệu suất cao nhất.

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong quá trình thi công các nhà máy thủy điện tại Lâm Đồng, SHP đã tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động địa phương, trong đó một số lao động được nhận làm việc chính thức và lâu dài tại Công ty.

Song song với việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cũng mong muốn đem lại lợi ích cho xã hội, cộng đồng bằng những việc làm cụ thể. Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện công tác thiện nguyện cho cộng đồng địa phương khi chi 10 triệu đồng ủng hộ trung thu cho xã Phước Lộc và xã Đạ Tồn huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.



Tổ chức các khóa huấn luyện về AT-VSLĐ. Hướng dẫn thực hiện một số Thông tư, Nghị định về: Tai nạn lao động, Quy định máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; Các yếu tố nguy hiểm trong quá trình sản xuất, quản lý nguy cơ tai nạn, các công cụ khống chế - loại trừ yếu tố nguy hiểm

# BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

**H**iện tượng thời tiết khô hạn bắt đầu từ năm 2019 kéo dài sang cả năm 2020, lượng mưa trung bình năm thấp, đặc biệt lưu lượng nước về hồ chứa bình quân của Nhà máy Đa M'brì chỉ bằng chỉ bằng 55% của năm 2019, bằng 77% theo thiết kế, làm cho sự chênh lệch về sản lượng điện thương phẩm năm nay so với năm 2019 có khoảng cách lớn. Cụ thể, trong 7 tháng đầu năm tổng sản lượng phát điện từ các nhà máy thủy điện suy giảm 21% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên nhu cầu tiêu thụ sản lượng điện giảm nhẹ. Kết thúc năm 2020, cả 3 nhà máy thủy điện của SHP đều chưa hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch.

1. Nhà máy Đa Siat đạt 92,33% kế hoạch sản lượng phát điện
2. Nhà máy Đa Dâng 2 đạt 99,86% kế hoạch sản lượng phát điện
3. Nhà máy Đa M'brì đạt 53,13% kế hoạch sản lượng phát điện



**R**iêng với Nhà máy Đa M'brì, mưa lũ các năm trước đã kéo theo bùn, cát, rác, cây cối về công trình, nên mùa khô năm 2020 khi vận hành các tổ máy ở mực nước hồ thấp đã kéo theo bùn, cát, rác, cây cối vào Cửa nhận nước làm gián đoạn hoạt động sản xuất của nhà máy. Đến 18/09/2020 tổ máy H2 và 24/10/2020 tổ máy H1 vận hành trở lại nên ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua.

Đồng thời, qua nhiều năm vận hành thiết bị của các nhà máy đã xuống cấp, vận hành không ổn định, mặc dù Công ty đã chủ động phát hiện, thay thế dần các thiết bị không đảm bảo bằng các thiết bị tốt hơn qua các đợt sửa chữa lớn trong các năm qua theo chỉ đạo của HĐQT nhưng vẫn chưa khắc phục được triệt để các tồn tại của thiết bị.

Tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực rất lớn của tập thể người lao động, cùng với sự hỗ trợ, quan tâm chỉ đạo của HĐQT, mỗi người lao động trong công ty Công ty đã có nhiều sáng kiến cải tiến, thực hiện tốt công tác sản xuất, khắc phục nhanh nhất các sự cố, làm tốt công tác thị trường điện, khai thác hiệu quả nguồn nước về để tối ưu hóa doanh thu cho Công ty.

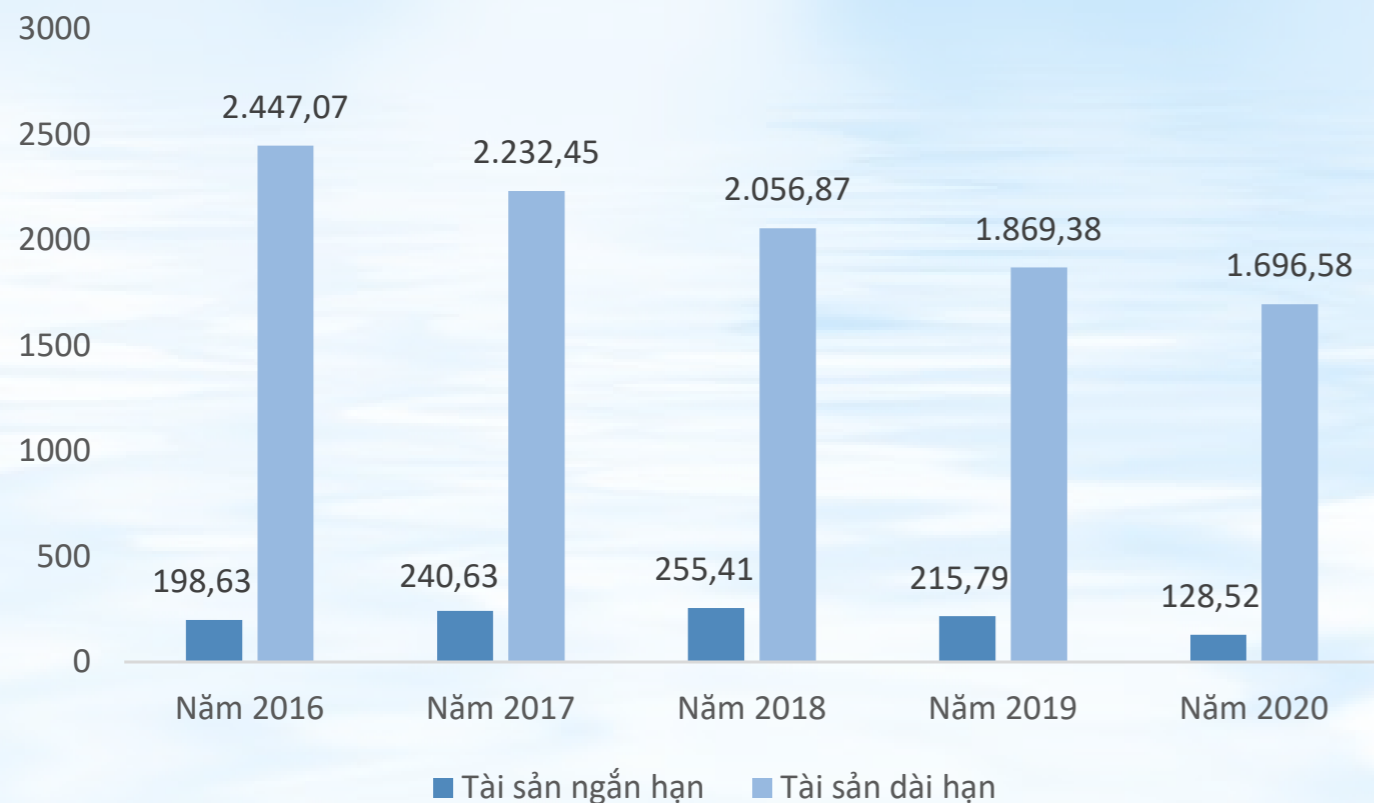
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Cơ cấu tài sản

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>198,63</b>	<b>240,63</b>	<b>255,41</b>	<b>215,79</b>	<b>128,52</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	48,23	130,63	139,66	92,62	14,14
Các khoản phải thu ngắn hạn	127,30	102,10	104,46	107,47	110,68
Hàng tồn kho	13,64	1,21	1,68	3,91	3,54
Tài sản ngắn hạn khác	5,63	6,69	9,61	11,79	0,16
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>2.447,07</b>	<b>2.232,45</b>	<b>2.056,87</b>	<b>1.869,38</b>	<b>1.696,58</b>
Tài sản cố định	2.445,71	2.214,75	2.049,62	1.865,59	1.693,78
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.645,70</b>	<b>2.473,07</b>	<b>2.312,28</b>	<b>2.085,17</b>	<b>1.825,10</b>

Do đặc trưng của ngành thủy điện yêu cầu thâm dụng vốn lớn cho các hoạt động đầu tư máy móc ban đầu, tài sản dài hạn của các Công ty thủy điện luôn chiếm tỷ trọng rất cao. Tại thời điểm cuối năm 2020, tài sản ngắn hạn chiếm 7,04% tổng tài sản của SHP, giảm hơn 4% so với năm 2019. Lý do giảm đến từ khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền, do trong năm Công ty sử dụng nguồn tiền để trả nợ vay và chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 20%. Tài sản dài hạn cũng giảm đáng kể, từ 1.869,38 tỷ đồng từ năm 2019 xuống 1.696,58 tỷ đồng năm 2020, tương ứng với giảm 9,24%. Mức giảm này đến từ việc phân bổ khấu hao của tài sản cố định làm cho giá trị còn lại của các tài sản cố định ngày càng giảm.



### Cơ cấu nguồn vốn

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>Nợ phải trả</b>	<b>1.468,42</b>	<b>1.256,01</b>	<b>1.078,03</b>	<b>831,82</b>	<b>704,25</b>
Nợ ngắn hạn	268,75	238,50	298,67	264,62	323,20
Nợ dài hạn	1.199,67	1.017,51	779,36	567,20	381,05
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.177,28</b>	<b>1.217,06</b>	<b>1.234,25</b>	<b>1.253,35</b>	<b>1.120,85</b>
Vốn góp chủ sở hữu	937,10	937,10	937,1	937,10	937,10
LNST chưa phân phối	240,18	270,15	268,81	287,92	155,42
Quỹ đầu tư phát triển	0	9,81	28,33	28,33	28,33
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.645,70</b>	<b>2.473,07</b>	<b>2.312,28</b>	<b>2.085,17</b>	<b>1.825,10</b>

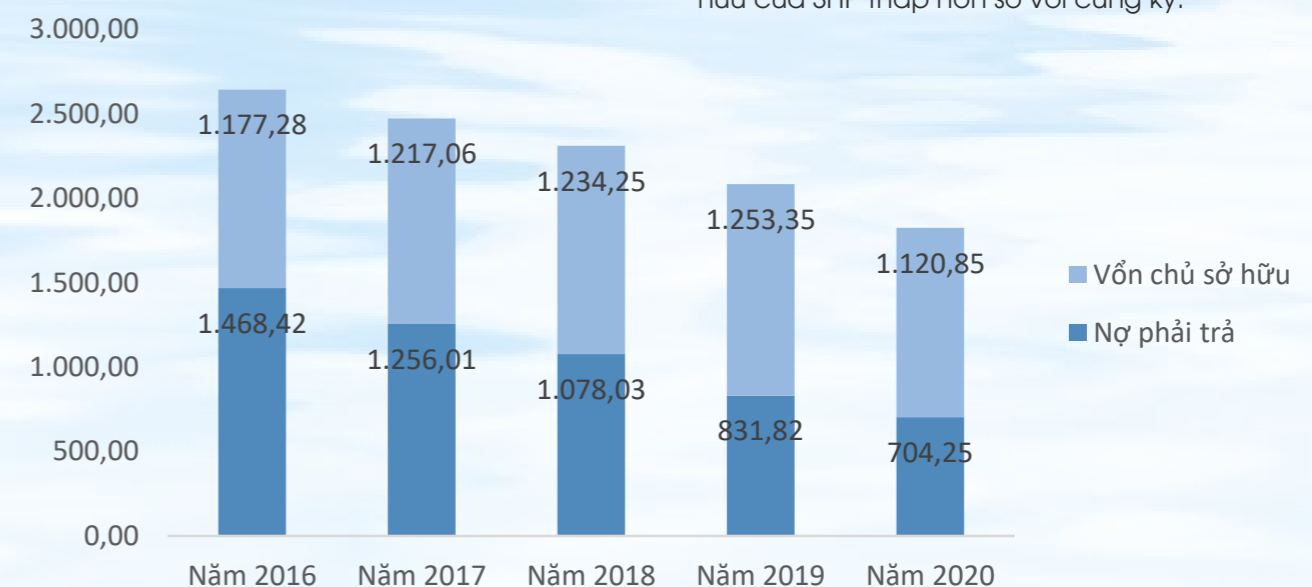
Tại thời điểm cuối năm 2020, nợ phải trả của Công ty đạt 704,19 tỷ đồng, giảm 15,34% so với năm 2019. Theo đó, nợ dài hạn giảm từ 567,20 tỷ đồng xuống 381,05 tỷ đồng, tương ứng với giảm 32,82% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do trong năm Công ty đã trả nợ gốc 03 khoản vay trung và dài hạn, cụ thể được trình bày như sau:

- ◇ Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0028/ĐT-DA/14CD ngày 12 tháng 11 năm 2014 để cho vay tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo dự án đầu tư Thủy điện Đa M'brì công suất 75W, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Số nợ gốc còn phải trả đến 31/12/2020 là 330 tỷ đồng.
- ◇ Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lâm Đồng

theo hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008. Số nợ gốc còn phải trả đến 31/12/2020 là 88,203 tỷ đồng.

- ◇ 2 khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam được đảm bảo bằng tài sản cố định là 2 nhà máy Đa Siat và Đa Dâng 2 gắn liền với lô đất theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền. Số dư nợ gốc còn phải trả đến ngày 31/12/2020 là 149 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu trong năm 2020 đạt 1.120,85 tỷ đồng, giảm 10,57% so với năm 2019. Nguyên nhân của sự sụt giảm này đến từ việc lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm do tình hình thủy văn không thuận lợi bên cạnh ảnh hưởng của dịch Covid-19 từ đầu năm 2020. Ngoài ra, Công ty còn phải chi trả cổ tức năm 2019, với tỷ lệ 20% cho các cổ đông hiện hữu. Đây cũng là một trong những lý do khiến cho vốn chủ sở hữu của SHP thấp hơn so với cùng kỳ.



## NHỮNG CẢI TIẾN VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

### Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

#### Công tác ISO:

Trong năm 2020, Công ty đã cùng với Công ty TNHH TUV RHEINLAND Việt Nam (TUV) thực hiện đánh giá giám sát định kỳ lần 2 hệ thống quản lý chất lượng của Công ty (sau đánh giá cấp chứng nhận năm 2018). Kết quả, TUV tiếp tục duy trì hiệu lực của chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

#### Công tác quản lý vật tư:

Công tác quản lý vật tư ngày một đi vào ổn định. Tuy nhiên cần tiếp tục củng cố trong thời gian tới.

Thực hiện kiểm kê tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư và vật tư dự phòng; kiểm kê tài sản cố định và vật tư cho công tác kiểm toán cuối năm.

#### Công tác cổ đông:

Trong năm năm 2020 đã điều chỉnh thông tin cho 45 cổ đông; in lại sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho 34 cổ đông; chuyển quyền sở hữu thừa kế cho 02 cổ đông.

Giảm số lượng cổ đông chưa lưu ký: so với danh sách cổ đông chưa lưu ký ngày 31/12/2019 (1.829 cổ đông), đến ngày 31/12/2020, thì số lượng cổ đông chưa lưu ký giảm 30 người (1.799 cổ đông chưa lưu ký).

Thực hiện công bố thông tin định kỳ và đột xuất đúng nội dung và thời gian quy định.

#### (\* ) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

\*Căn cứ theo tờ trình Đăng ký kế hoạch của Ban điều hành Công ty số 175/TT-SHP-TCKT ngày 23/3/2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng sản lượng	Triệu kWh	591,00
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	584,42
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	391,11
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	193,31
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	183,79

#### (\* ) Kế hoạch sản lượng và doanh thu từng nhà máy năm 2021

\*Căn cứ theo tờ trình Đăng ký kế hoạch của Ban điều hành Công ty số 173/TT-SHP-KHKT ngày 23/3/2021

Doanh thu thuần	Nhà máy			Tổng cộng
	Đa Siat	Đa Dâng 2	Đa M'brì	
Sản lượng (Triệu kWh)	67,00(*)	184,00 (*)	340,00(*)	591,00
Doanh thu (Tỷ đồng)	83,10	143,6	357,70	584,40
Ghi chú*	tương đương 120% sản lượng thiết kế	tương đương 121% sản lượng thiết kế	tương đương 106% sản lượng thiết kế	

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến vấn đề môi trường trong quá trình sản xuất với những biện pháp thiết thực như đưa ra những chính sách hợp lý nhằm tái tạo lại các vùng đất gần nhà máy của Công ty.

Thường xuyên tuyên truyền và phổ biến chính sách tiết kiệm nước trong Công ty, và sử dụng nước tiết kiệm để bảo vệ nguồn nước.

Bên cạnh đó, Công ty còn tiến hành nghiên cứu các nguồn năng lượng xanh ít tác động đến môi trường. Xây dựng thói quen tiết kiệm năng lượng trong ý thức của CBCNV thông qua việc tắt bớt các thiết bị điện không cần thiết và sau khi sử dụng.

### Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nâng cao trình độ cho người lao động thông qua các lớp đào tạo kiến thức chuyên sâu giúp cán bộ nhân viên có thể nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn, từ đó khai thác tối đa tiềm năng của người lao động. Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên bồi huấn, phổ biến đến người lao động những luật định mới về bảo hiểm y tế, xã hội, bảo hiểm tai nạn. Hằng năm, công ty đều tiến hành tổng hợp, đánh giá và trao giải cho các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất của người lao động tại các chi nhánh và phòng ban công ty.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

SHP thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động xã hội ý nghĩa để thể hiện sự gắn kết với địa phương, tấm lòng tương thân tương ái, quan tâm chăm sóc các gia đình chính sách. Các chương trình thăm hỏi tặng quà gia đình khó khăn, gặp nạn do mưa lũ, xây dựng nhà tình nghĩa, học bổng dành tặng các cháu thiếu nhi vượt khó vươn lên đạt thành tích xuất sắc được tổ chức nhằm hỗ trợ xã hội, cộng đồng.



# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



## ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá về công tác sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành nhà máy:

Trong năm Công ty đã thực hiện công tác sửa chữa, trung đại tu thiết bị các tổ máy theo đúng theo tiến độ kế hoạch đề ra như sau:

### 1) Nhà máy ĐaM'abri:

- Hoàn tất trung tu tổ máy H1 và tiểu tu tổ máy H2.
- Số giờ vận hành trung bình năm 2020 là 2.515 giờ/theo thiết kế 4.509 giờ (năm 2019: 4.563 giờ).

### 2) Nhà máy Đa Dâng 2:

- Hoàn tất Đại tu tổ máy H1 và tiểu tu tổ máy H2.
- Số giờ vận hành trung bình năm 2020 là 5.404/theo thiết kế 4.474 giờ (năm 2019: 5.213 giờ).

### 3) Nhà máy Đa Siat:

- Hoàn tất tiểu tu tổ máy H1, trung tu cho tổ máy H2.
- Số giờ vận hành trung bình năm 2020 là 4.582 giờ/theo thiết kế 4.396 giờ (năm 2019: 4.780 giờ).

### 4) Các hạng mục xây dựng:

- Hoàn thành di dời hệ thống mốc quan trắc tam giác thủy công về gần khu vực đập chính, đập phụ Thủy điện Đa M'abri.
- Nạo vét xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước hồ chứa Thủy điện Đa M'abri.
- Thiết kế, gia công chế tạo gầu vớt rác cửa nhận nước Thủy điện Đa M'abri, đã gia công chế tạo xong, dự kiến lắp đặt vào tháng 03/2021.
- Hoàn thành sơn tường ngoài Nhà máy Thủy điện Đa M'abri.
- Hoàn thành gia cố chân tứ nón bờ trái cầu giao thông và kênh xả hạ lưu Nhà máy Đa M'abri.
- Hoàn thành kiểm định an toàn đập hồ chứa Thủy điện Đa Dâng 2 và đập hồ chứa Thủy điện Đa Siat.
- Hoàn thành cấm mốc chỉ giới bảo vệ đập Thủy điện Đa Dâng 2 và đập Thủy điện Đa Siat.
- Hoàn thành giai đoạn 1 sửa chữa kênh dẫn nước Thủy điện Đa Dâng 2.
- Hoàn thành sơn mặt trong đường ống áp lực nhà máy Đa Dâng 2, phần còn lại.
- Hoàn thành khôi phục, bổ sung tăng dày mốc ranh giới thu hồi đất lòng hồ Thủy điện Đa Siat.
- Hoàn thành neo tăng cường trụ, gia cố mái taluy sạt trượt trụ số 2, đường dây 22kV Nhà máy Thủy điện Đa Siat.
- Nạo vét bùn cát khu vực Cửa nhận nước và thử nghiệm hút bùn cát bằng phương pháp trọng lực (xiphon).



### Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2020 thực hiện

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2020	KH 2020	%TH/KH
Tổng sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	434,22	606,00	71,65%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	429,38	601,40	71,40%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	63,42	187,30	33,86%

### Đánh giá về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

Năm qua, tình hình thủy văn trong khu vực không thuận lợi do chịu ảnh hưởng El Nino kéo dài khiến lưu lượng nước về các tháng mùa khô năm 2020 thấp hơn so với năm 2019 và so với số liệu thiết kế. Bên cạnh đó, Công ty còn phải dừng vận hành nhà máy Thủy điện Đa M'abri cho việc trùng tu và sửa chữa trong cao điểm mùa mưa, dẫn đến tổng sản lượng phát điện của công ty sụt giảm, chỉ đạt 434,22 triệu kWh, giảm 25,65% so với năm 2019 và vẫn chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty trong việc giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

- ◇ Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán, Báo cáo thường niên năm 2019, Báo cáo tài chính các quý của năm 2020 và Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2020;
- ◇ Tổng kết tình hình hoạt động năm 2019 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2020;
- ◇ Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 đúng theo quy định của pháp luật hiện hành vào ngày 18/06/2020;
- ◇ Chỉ đạo triển khai thực hiện theo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ◇ Tổ chức xem xét, đánh giá nguyên nhân, thiệt hại và trách nhiệm liên quan sự cố tại Nhà máy thủy điện Đa M' Bri;
- ◇ Chỉ đạo triển khai, chi trả cổ tức của năm 2019;
- ◇ HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý Công ty.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, đảm bảo mọi hoạt động của công ty diễn ra an toàn, tiết kiệm, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho cổ đông cũng như toàn thể nhân viên Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và luôn bám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành. Mặc dù, kế hoạch năm 2020 chưa được hoàn thành; tuy nhiên, trong bối cảnh thời tiết không thuận lợi, kết quả kinh doanh đạt được năm qua vẫn là một thành tích đáng ghi nhận.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ◇ HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban Điều hành Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty;
- ◇ Xây dựng các quy chế hoạt động rõ ràng, minh bạch để thuận lợi cho việc điều hành và thực hiện, đảm bảo đúng quy định hiện hành;
- ◇ Đồng thời, tăng cường quản lý giám sát đối với hoạt động của Ban TGD, cán bộ quản lý trong việc thực thi các Nghị quyết của ĐHCĐ/HĐQT để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty có hiệu quả;
- ◇ Chỉ đạo Ban Điều hành Công ty vận hành, sản xuất hiệu quả đối với các chỉ tiêu mà ĐHCĐ thường niên đề ra;
- ◇ Áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị tốt được chấp nhận rộng rãi trên thế giới vào công tác quản trị công ty. Chú trọng đến trách nhiệm xã hội và môi trường, cân đối hài hòa với mục tiêu sản xuất. Nỗ lực nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, hệ sinh thái và cộng đồng;
- ◇ Chăm lo phúc lợi cho người lao động chính là mục đích thiết thực nhất để nâng cao năng suất lao động, tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn, việc gắn kết lợi ích của người lao động với lợi ích lâu dài của công ty cũng là cách thức hiệu quả giúp nâng cao giá trị của Công ty;
- ◇ Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp cũng như trách nhiệm quản lý và kiểm soát rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán và kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp. Chú trọng công tác dự báo để chủ động điều chỉnh và đưa ra các giải pháp phù hợp, đảm bảo mọi nguồn lực sẵn sàng cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.





# QUẢN TRỊ CÔNG TY

---

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Danh sách thành viên HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên HĐQT	Ngày không còn là thành viên HĐQT
1	Ông Huỳnh Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	18/06/2020	-
2	Ông Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch HĐQT	22/06/2017	18/06/2020
3	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	22/06/2017	-
4	Ông Trần Thế Du	Thành viên độc lập HĐQT	23/05/2019	-
5	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	12/4/2012	-
6	Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên HĐQT	18/06/2020	-
7	Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên HĐQT	22/06/2017	18/06/2020

### Ông Lê Tuấn Hải

Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 08/04/1970

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ văn hóa : 12/12

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hệ thống điện

Quá trình công tác :

- ◇ Từ 01/2008 - 12/2008 Giám đốc Công ty Thủy điện Thác Mơ - Ủy viên Hội đồng quản trị đại diện 30% phần vốn Nhà nước (vốn của EVN).
- ◇ Từ 01/2009 - 03/2011 Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ - Ủy viên Hội đồng quản trị đại diện 30% phần vốn Nhà nước (vốn của EVN).
- ◇ Từ 11/2013 - 09/2015 Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- ◇ Từ 03/2006 - nay Giám đốc Kỹ thuật ngành điện - Công ty cổ phần Cơ Điện lạnh (REE)
- ◇ Từ 06/2017 - nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

### Ông Huỳnh Minh Hải

Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh : 01/01/1962

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ văn hóa : 12/12

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- ◇ Từ 12/1987 - 09/1989 Tổ trưởng Tổ lắp đặt điện của Ban Quản lý Công trình xây dựng Nhà máy xay xát XK Hậu Giang;
- ◇ Từ 10/1989 - 02/1991 Trưởng phòng kỹ thuật Nhà máy xay xát XK Hậu Giang;
- ◇ Từ 03/1991 - 09/1991 Tổ trưởng bộ phận xay xát Nhà máy xay xát XK Hậu Giang;
- ◇ Từ 10/1991 - 05/1992 Tổ trưởng bộ phận kỹ thuật Nhà máy xay xát XK Hậu Giang;
- ◇ Từ 06/1992 - 09/1994 Cán bộ kỹ thuật phòng Kế hoạch Kỹ Thuật vật tư Sở Điện lực Sóc Trăng;
- ◇ Từ 09/1994 - 12/1996 Phó phòng Kế hoạch Kỹ Thuật vật tư Sở Điện lực Sóc Trăng;
- ◇ Từ 12/1996 - 05/2008 Phó Giám đốc Công ty Điện lực Sóc Trăng;
- ◇ Từ 1998 - 2003 Bí thư Chi bộ Cơ sở Điện lực Sóc Trăng;
- ◇ Từ 2003 - 2019 Bí thư Đảng Ủy Điện lực Sóc Trăng
- ◇ Từ 2004 - 2021 Đại biểu HĐND tỉnh Sóc Trăng các khóa 7, 8 và 9 (Nhiệm kỳ 2004 - 2011; 2011 - 2016; 2016 - 2021)
- ◇ Từ 06/2008 - 09/2019 Giám đốc Công ty Điện lực Sóc Trăng;
- ◇ Từ 09/2019 - 06/2020 Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Nam;
- ◇ Từ 06/2020 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Nam.





**Ông Trần Thế Du**

Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 08/06/1983  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác :

- ◇ Từ 06/2010 - 06/2012 Công tác tại Phòng Kỹ thuật - Công ty Điện lực Bình Phú (Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh).
- ◇ Từ 07/2012 - 10/2014 Công tác tại Ban Quan hệ Quốc tế (Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh).
- ◇ Từ 11/2014 - 02/2019 Công tác tại Ban Quản lý Đầu tư (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam).
- ◇ Từ 03/2019 - nay Chuyên viên Ban Tổng hợp - Thư ký Chủ tịch Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.
- ◇ Từ 05/2019 - nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

**Ông Nguyễn Văn Thịnh**

Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 18/01/1955  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 410.000 cổ phiếu tương ứng 0,44% vốn điều lệ  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện  
 Quá trình công tác :

- ◇ Từ 1976 - 1981 Công tác tại Sở Công thương Sông Bé.
- ◇ Từ 1981 - 1998 Công tác tại Công ty Điện lực Đồng Nai.
- ◇ Từ 1998 - 2007 Trưởng phòng Quản lý xây dựng Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.
- ◇ Từ 2007 - 2018 Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam..
- ◇ Từ 04/2012 - nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

**Ông Nguyễn Tấn Tài**

Thành viên HĐQT

Ngày sinh : 08/10/1973  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác :

- ◇ Từ 1999 - 2007 Chuyên viên Phòng Kỹ thuật sản xuất - Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng công ty Điện lực Miền Nam).
- ◇ Từ 2007 - 2009 Chuyên viên Văn phòng Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng công ty Điện lực Miền Nam) phụ trách công tác tổng hợp.
- ◇ Từ 2009 - 2010 Phó Chánh Văn phòng Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng công ty Điện lực Miền Nam) phụ trách mảng tổng hợp.
- ◇ Từ 2010 - 2017 Phó Chánh Văn phòng Tổng công ty Điện lực Miền Nam phụ trách mảng tổng hợp.
- ◇ Từ 2018 - 2019 Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Lưới điện trực thuộc Tổng công ty Điện lực Miền Nam.
- ◇ Từ 01/2020 - nay Trưởng Ban Tổng hợp trực thuộc Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.
- ◇ Từ 06/2020 - nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam



**Các cuộc họp của HĐQT**

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Huỳnh Minh Hải	6/6	100%	Được ĐHCĐ thường niên 2020 bầu ngày 18/06/2020
2	Ông Đoàn Đức Hưng	3/3	100%	Được ĐHCĐ thường niên 2020 miễn nhiệm ngày 18/06/2020
3	Ông Lê Tuấn Hải	9/9	100%	-
4	Ông Trần Thế Du	9/9	100%	-
5	Ông Nguyễn Văn Thịnh	9/9	100%	-
6	Ông Nguyễn Tấn Tài	6/6	100%	Được ĐHCĐ thường niên 2020 bầu ngày 18/06/2020
7	Ông Nguyễn Văn Danh	3/3	100%	Được ĐHCĐ thường niên 2020 miễn nhiệm ngày 18/06/2020

Trong năm 2020, HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) đã tiến hành 09 cuộc họp và 08 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

Công ty đã miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Đoàn Đức Hưng và ông Nguyễn Văn Danh kể từ ngày 18/06/2020, và đồng thời bầu bổ sung ông Huỳnh Minh Hải và ông Nguyễn Tấn Tài làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022.

Như vậy, tính đến ngày 31/12/2020, cơ cấu thành viên HĐQT của SHP gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên HĐQT là thành viên độc lập.

**Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT**

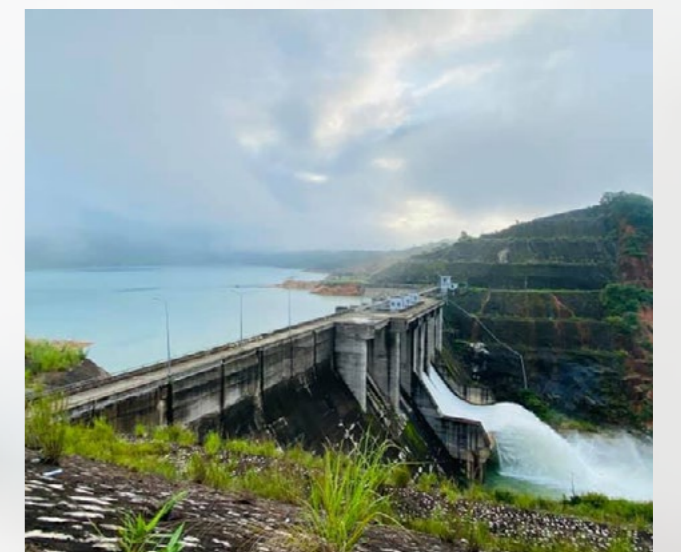
STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			Quyết định của HĐQT (kỳ họp lần thứ 19 - Nhiệm kỳ IV):
1	04/QĐ-SHP- HĐQT	06/03/2020	- Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHCĐ) năm 2020: 27/03/2020 - Thống nhất ngày họp ĐHCĐ thường niên năm 2020: 28/04/2020 (Dùng để công bố thông tin)
			Nghị quyết của HĐQT (kỳ họp lần thứ 19 - Nhiệm kỳ IV):
			- Thống nhất về số liệu tính toán sản lượng kế hoạch 2020. Giao Ban điều hành làm việc với TV. HĐQT phụ trách kế hoạch để rà soát, hoàn thiện số liệu doanh thu kế hoạch 2020 và một số chi phí năm 2020 để báo cáo HĐQT xem xét thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020 trình ĐHCĐ và xem xét thông qua kế hoạch chi phí 2020.
2	05/NQ-SHP- HĐQT	06/03/2020	- Thông qua các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật năm 2020 để Ban điều hành phấn đấu thực hiện. - Thông qua Quỹ lương kế hoạch năm 2020 của Tổng Giám đốc và người lao động trong Công ty. - Thông qua chủ trương bổ nhiệm Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Lâm Đồng. - Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông tham dự (27/03/2020) và ngày họp ĐHCĐ thường niên năm 2020 (28/04/2020). - Thông qua chủ trương vay ngắn hạn 100 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động theo đề xuất của Tổng Giám đốc (khoản vay này bằng 7,98% vốn chủ sở hữu tại Báo cáo Tài chính năm 2019 đã kiểm toán). Giao Ban điều hành làm việc với các tổ chức tín dụng để chuẩn bị các thủ tục vay trình HĐQT phê duyệt.
			Nghị quyết của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản) gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020:
3	08/NQ-SHP- HĐQT	31/03/2020	- Hoãn tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020 vào ngày 28/04/2020 như đã công bố theo QĐ số 04/QĐ-SHP- HĐQT ngày 06/03/2020 của HĐQT (vì tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid 19). - Ngày tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020 sẽ thông báo sau nhưng không muộn hơn ngày 30/06/2020.

**Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT**

STT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung
4	11/QĐ-SHP- HĐQT	04/05/2020	Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): - Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2020: 27/05/2020 - Thống nhất ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020: 18/06/2020
5	13/NQ-SHP- HĐQT	01/06/2020	Nghị quyết của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): - Thông qua kế hoạch chi phí hoạt động năm 2020. - Thông qua nội dung Dự thảo các tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
6	14/QĐ-SHP- HĐQT	01/06/2020	Phê duyệt kế hoạch chi phí hoạt động năm 2020 (Ban hành theo nghị quyết số 13/NQ-SHP-HĐQT ngày 01/06/2020)
7	23/NQ-SHP- HĐQT	15/06/2020	Nghị quyết của HĐQT (kỳ họp lần thứ 20 - Nhiệm kỳ IV): Thông qua danh sách ứng viên được đề cử từ cổ đông để trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị gồm: - Ứng viên được Tổng Công ty Điện lực Miền Nam đề cử bầu thành viên Hội đồng quản trị: Huỳnh Minh Hải và Nguyễn Tấn Tài.
8	25/NQ-SHP- HĐQT	17/06/2020	Nghị quyết của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): - Thống nhất vay tối đa 120 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động (khoản vay này bằng 9,57% vốn chủ sở hữu tại Báo cáo Tài chính năm 2019 đã kiểm toán) Nghị quyết của HĐQT (kỳ họp lần thứ 21 - Nhiệm kỳ IV): - HĐQT bầu ông Huỳnh Minh Hải làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 kể từ ngày 25/06/2020. - Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách.
9	30/NQ-SHP- HĐQT	25/06/2020	- Thông qua mức lương tham gia BHXH, y tế, TN mà mức tạm chi lương hàng tháng cho vị trí CT, HĐQT chuyên trách.  - Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Huỳnh Minh Hải kể từ ngày 25/06/2020.

**Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT**

STT	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung
10	32/QĐ-SHP-HĐQT	30/06/2020	Đính chính nghị quyết số 30/NQ-SHP- HĐQT ngày 25/06/2020, trong đó bổ sung nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ông Đoàn Đức Hưng - CT, HĐQT sang ông Huỳnh Minh Hải CT, HĐQT (theo yêu cầu của Sở KH vàĐT Tp.HCM để bổ sung hồ sơ thay đổi người đại diện theo pháp luật trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), các nội dung còn lại của nghị quyết số 30/NQ-SHP- HĐQT ngày 25/06/2020 không thay đổi.
11	35/QĐ-SHP-HĐQT	17/07/2020	Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản): Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ kiểm toán soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. Ủy quyền cho CT, HĐQT phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
12	36/QĐ-SHP-HĐQT	17/07/2020	Phê duyệt kết quả chỉ định thầu cung cấp dịch vụ kiểm toán soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 (đơn vị được chỉ định: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam)



## Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
13	43/NQ-SHP-HĐQT	10/08/2020	<p>Nghị quyết của HĐQT (kỳ họp lần thứ 22 - Nhiệm kỳ IV):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất vay để bổ sung vốn lưu động (vay ngân hàng Shinhan: 60 tỷ đồng, vay ngân hàng VP Bank: 40 tỷ đồng)</li> <li>- Hoàn thực hiện và bổ sung một số hạng mục thuộc kế hoạch chi phí 2020;</li> <li>- Thống nhất hợp tác với Công ty EKI Energy Services Limited/Ấn độ để khai thác CERs của nhà máy Đa Dâng 2 và Đa M'Bri giai đoạn 2014 - 2019.</li> <li>- Một số chỉ đạo Ban điều hành trong công tác quản lý và điều hành:</li> <li>+ Về tình hình sự cố nhà máy Đa M'Bri và tình hình bồi lắng lòng hồ Đa M'Bri:</li> </ul> <p>Ban điều hành nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng, đánh giá nguyên nhân, đưa ra giải pháp khắc phục và báo cáo HĐQT để triển khai thực hiện nhằm sớm đưa tổ máy vào vận hành trở lại.</p> <p>Ban điều hành phối hợp cùng đơn vị tư vấn có chuyên môn kinh nghiệm trong lĩnh vực này để tìm kiếm giải pháp xử lý hiệu quả về lâu dài và báo cáo HĐQT.</p> <p>(Thời hạn báo cáo HĐQT về giải pháp khắc phục bồi lắng lòng hồ Đa M'Bri là ngày 25/08/2020).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ban điều hành có văn bản báo cáo UBND tỉnh Lâm Đồng và các Sở ngành Lâm Đồng liên quan về tình hình bồi lắng lòng hồ Đa M'Bri để có sự hỗ trợ từ phía chính quyền địa phương cho công tác khắc phục sự cố khi công ty triển khai thực hiện.</li> <li>+ Công ty thực hiện ngay việc CBTT về việc ngừng vận hành nhà máy Đa M'Bri để khắc phục, sửa chữa do sự cố.</li> <li>+ Ban điều hành làm việc với đơn vị bảo hiểm để đánh giá, xem xét trách nhiệm bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm về sự cố xảy ra tại nhà máy Đa M'Bri</li> <li>+ HĐQT và BDH sẽ xem xét giải pháp để thu nhập của NLD ít bị ảnh hưởng do KQ SXKD bị sụt giảm bởi sự cố tại nhà máy Đa M'Bri.</li> <li>+ HĐQT sẽ trực tiếp chỉ đạo và tham gia cùng với BDH trong việc tìm kiếm giải pháp khắc phục sự cố và bồi lắng lòng hồ nhà máy Đa M'Bri.</li> </ul>
14	43A/NQ-SHP-HĐQT	10/08/2020	<p>Nghị quyết của HĐQT về vay vốn tại ngân hàng Shinhan 60 tỷ đồng (NQ theo mẫu của ngân hàng).</p>

## Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
15	49/NQ-SHP-HĐQT	18/09/2020	<p>Nghị quyết của HĐQT (kỳ họp lần thứ 23 - Nhiệm kỳ IV):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ đạo Ban điều hành rà soát, hiệu chỉnh một số nội dung liên quan về phương án xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước Đa M'Bri năm 2021 để trình HĐQT.</li> <li>- Bổ sung kế hoạch chi phí 2020 hạng mục khảo sát địa chất bồi lắng cửa nhận nước Đa M'Bri.</li> <li>- Phê duyệt việc tuyển dụng bổ sung 06 nhân sự thay thế nhân sự nghỉ việc (01 KTHH, 04 kỹ sư điện, 01 TC/CD/KS cơ khí.)</li> <li>- Chỉ đạo Ban điều hành làm việc thêm với ngân hàng Quân đội (MB Bank) để có ý kiến chính thức về vay vốn và làm việc với ngân hàng khác về vay vốn để trình HĐQT phê duyệt.</li> </ul> <p>Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung hạng mục nạo vét lòng hồ Thủy điện Đa M'Bri bằng phương pháp trọng lực (siphon) vào kế hoạch chi phí 2020.</li> </ul>
16	52/QĐ-SHP-HĐQT	12/10/2020	<p>Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận thực hiện chi phí "Tư vấn thiết kế xử lý bồi lắng cửa nhận nước, Công trình nhà máy Đa M'Bri</li> <li>- Chỉ định đơn vị tư vấn thiết kế là Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Điện 1.</li> </ul>
17	55/QĐ-SHP-HĐQT	20/10/2020	<p>Nghị quyết của HĐQT (kỳ họp lần thứ 24 - Nhiệm kỳ IV):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất chốt ngày đăng ký cuối cùng và thời gian thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông SHP:</li> <li>+ Ngày đăng ký cuối cùng: 04/12/2020</li> <li>+ Tỷ lệ chi trả cổ tức: 20%</li> <li>+ Hình thức chi trả: tiền mặt</li> <li>+ Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 16/12/2020</li> <li>- Phê duyệt phương án và một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước năm 2021, công trình nhà máy Đa M'Bri.</li> <li>- Giao BDH khẩn trương hoàn thiện và trình HĐQT phê duyệt giá gói thầu, hồ sơ mời thầu để sớm tổ chức đấu thầu.</li> <li>- Bổ sung chi phí hạng mục hệ thống khai thác sử dụng nước mặt công trình nhà máy Đa M'Bri.</li> </ul>
18	59/NQ-SHP-HĐQT	03/11/2020	

## Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
19	60/QĐ-SHP-HĐQT	03/11/2020	<p>Quyết định của HĐQT (kỳ họp lần thứ 24 - Nhiệm kỳ IV):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất chốt ngày đăng ký cuối cùng và thời gian thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông SHP: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngày đăng ký cuối cùng: 04/12/2020</li> <li>+ Tỷ lệ chi trả cổ tức: 20%</li> <li>+ Hình thức chi trả: tiền mặt</li> <li>+ Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 16/12/2020</li> </ul> </li> </ul> <p>(Dùng để công bố thông tin)</p>
20	63A/NQ-SHP-HĐQT	26/11/2020	<p>Nghị quyết của HĐQT (kỳ họp lần thứ 25 - Nhiệm kỳ IV):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt phương án, dự toán hạng mục xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước Đa M'Bri năm 2021, công trình nhà máy Thủy điện Đa M'Bri. (nội dung này thay thế nội dung đã được phê duyệt theo Nghị quyết số 59/NQ-SHP-HĐQT ngày 03/11/2020 của HĐQT)</li> <li>- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước năm 2021, công trình nhà máy Thủy điện Đa M'Bri.</li> <li>- Giao Ban điều hành rà soát, hiệu chỉnh hồ sơ mời thầu (E-HSMT) gói thầu xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước năm 2021, công trình nhà máy Thủy điện Đa M'Bri.</li> </ul>
21	64/QĐ-SHP-HĐQT	26/11/2020	<p>Quyết định của HĐQT (kỳ họp lần thứ 25 - Nhiệm kỳ IV):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước năm 2021, công trình nhà máy Thủy điện Đa M'Bri.</li> </ul> <p>(Dùng để đăng thông tin đấu thầu qua mạng)</p>
22	67/NQ-SHP-SHP	01/12/2020	<p>Nghị quyết của HĐQT (kỳ họp lần thứ 26 - Nhiệm kỳ IV):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt hồ sơ mời thầu (E-HSMT) gói thầu xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước năm 2021, công trình nhà máy Thủy điện Đa M'Bri.</li> <li>- Thành lập tổ chuyên gia và nhóm giúp việc để thực hiện công tác xét thầu gói thầu trên.</li> <li>- HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện các thủ tục liên quan trong quá trình triển khai đấu thầu, xét thầu (trừ nội dung phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu).</li> <li>- Thông qua kế hoạch chi tiết triển khai gói thầu trên.</li> </ul>
23	68/QĐ-SHP-HĐQT	01/12/2020	<p>Quyết định của HĐQT (kỳ họp lần thứ 26 - Nhiệm kỳ IV):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt hồ sơ mời thầu (E-HSMT) gói thầu xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước năm 2021, công trình nhà máy Thủy điện Đa M'Bri.</li> </ul> <p>(Dùng để đăng thông tin đấu thầu qua mạng)</p>

## Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
24	69/QĐ-SHP-HĐQT	01/12/2020	<p>Quyết định của HĐQT (kỳ họp lần thứ 26 - Nhiệm kỳ IV):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh nội dung "Thời gian thực hiện hợp đồng" thuộc nội dung kế hoạch đấu thầu - Gói thầu xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước năm 2021, công trình nhà máy Thủy điện Đa M'Bri ghi trong NQ số 63A/NQ-SHP-HĐQT, QĐ số 64/QĐ-SHP-HĐQT ngày 26/11/2020 của HĐQT.</li> </ul> <p>(Dùng để đăng thông tin đấu thầu qua mạng)</p>
25	72/QĐ-SHP-HĐQT	16/12/2020	<p>Quyết định của HĐQT (lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản):</p> <p>Phê duyệt hiệu chỉnh HSMT gói thầu xử lý bồi lắng khu vực CNN năm 2021, nhà máy Đa M'Bri như sau:</p> <p>Hiệu chỉnh phần thuyết minh ghi chú số (8) tại trang 38/96 của E-HSMT (thuyết minh cho mục số 3, mô tả "Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự" trong Mẫu số 03 - "Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm" như sau:</p> <p>(8) Hợp đồng tương tự là hợp đồng đã thực hiện toàn bộ, trong đó công việc xây lắp có các tính chất tương tự với gói thầu đang xét, bao gồm:</p> <p>Tương tự về bản chất và độ phức tạp: Không yêu cầu là công trình công nghiệp và cấp công trình. Chấp nhận các hợp đồng đã thi công có nội dung hút bùn, cát.</p> <p>- Tương tự về quy mô công việc: có giá trị công việc xây lắp bằng hoặc lớn hơn 12 tỷ đồng giá trị công việc xây lắp của gói thầu đang xét.</p>
26	74/BB-SHP-HĐQT	25/12/2020	<p>Biên bản họp HĐQT (kỳ họp lần thứ 27 - Nhiệm kỳ IV):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét nguyên nhân, thiệt hại, trách nhiệm liên quan sự cố nhà máy Thủy điện Đa M'Bri;</li> <li>- Yêu cầu Ban điều hành thực hiện rà soát, hiệu chỉnh kế hoạch chi phí 2021 và một số nội dung trong công tác quản lý, điều hành.</li> </ul>
27	75/QĐ-SHP-HĐQT	30/12/2020	<p>Quyết định của Chủ tịch HĐQT (thực hiện theo ủy quyền của HĐQT tại nghị quyết số 67/NQ-SHP-HĐQT ngày 01/12/2020)</p> <p>Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật gói thầu xử lý bồi lắng khu vực CNN năm 2021, CT nhà máy Đa M'Bri.</p>

## Hoạt động của của HĐQT

Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư và các cổ đông hiện hữu, Hội đồng quản trị đã làm đúng trách nhiệm, quyền hạn, cùng với Ban Tổng Giám đốc điều hành của Công ty để giám sát, triển khai thực hiện các chỉ tiêu và Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm 2020. Mọi đề xuất của HĐQT đều được cân nhắc cẩn trọng, tuân thủ pháp luật cũng như Quy chế nội bộ, quy định hoạt động đã ban hành trên cơ sở Điều lệ của SHP. Ngoài ra, HĐQT thường xuyên cập nhật những quy định mới của Luật Chứng Khoán hay Luật Doanh Nghiệp để có những điều chỉnh kịp thời, đưa ra các quyết định phù hợp với luật hiện hành để giúp Công ty duy trì hoạt động kinh doanh một cách ổn định, thích nghi với biến động của thị trường.

Các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2020 được nêu cụ thể như sau:

- ◇ Tổng kết tình hình hoạt động năm 2019 và phê duyệt kế hoạch chi phí hoạt động năm 2020;
- ◇ Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính quý, bán niên năm 2020 đã được soát xét; Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, và Báo cáo thường niên 2020;
- ◇ Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 đúng theo quy định của pháp luật hiện hành vào ngày 18/06/2020;
- ◇ Chỉ đạo Tổng giám đốc và các ban điều hành triển khai thực hiện theo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ◇ HĐQT phối hợp với BKS tổ chức hoạt động, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý của Công ty, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu.



## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách thành viên BKS

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
1	Ông Võ Thái	Trưởng BKS	22/06/2017
2	Bà Đỗ Thị Hải Âu	Kiểm soát viên	28/04/2016
3	Bà Nguyễn Thị Thu Huệ	Kiểm soát viên	23/05/2019

### Ông Võ Thái Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh : 20/02/1972

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ văn hóa : 12/12

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác :

- ◇ Từ 2008 - 2011 Kế toán trưởng Công ty cổ phần Khoáng sản Bằng Hữu.
- ◇ Từ 2012 - 2013 Kế toán trưởng Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo DVA.
- ◇ Từ 2014 - nay Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia.
- ◇ Từ tháng 06/2017 - nay Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

**Bà Đỗ Thị Hải Âu**

Kiểm soát viên

Ngày sinh : 08/05/1966  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phiếu  
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán  
 Quá trình công tác :

- ◇ Từ 1992 - 02/2002 Cán bộ kế toán Trung Tâm Thí nghiệm điện, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng công ty Điện lực Miền Nam).
- ◇ Từ 03/2002 - 04/2007 Phó phòng TCKT Trung tâm thí nghiệm điện miền Nam, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng công ty Điện lực miền Nam).
- ◇ Từ 11/04/2007 - nay Chuyên viên Ban TCKT, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam).
- ◇ Từ 01/2008 - 04/2010 Thành viên BKS Công ty cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Điện lực.
- ◇ Từ 04/2011 - 02/2014 Kiểm soát viên không chuyên trách, Tổng công ty Điện lực Miền Nam.
- ◇ Tháng 04/2016 - nay Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

**Bà Võ Thị Thu Huệ**

Kiểm soát viên

Ngày sinh : 07/09/1968  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán  
 Quá trình công tác

- ◇ Từ 10/1990 - 11/1997 Kế toán công nợ Xí nghiệp Vật tư vận tải thuộc Công ty Điện lực 2.
- ◇ Từ 12/1997 - 08/2007 Kế toán Đầu tư XD CB - Cơ quan Công ty Điện lực 2.
- ◇ Từ 08/2007 - 09/2015 Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực
- ◇ Từ 09/2015 - 02/2016 Kế toán tổng hợp tại Trung tâm Chăm sóc Khách hàng của EVN SPC
- ◇ Từ 03/2016 - nay Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ và giám sát tài chính của EVN SPC.
- ◇ Từ 05/2019 - nay Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.



**Hoạt động của của BKS**

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Võ Thái	Trưởng BKS	4/4	100%	-
2	Bà Đỗ Thị Hải Âu	Kiểm soát viên	4/4	100%	-
3	Bà Nguyễn Thị Thu Huệ	Kiểm soát viên	4/4	100%	-

**Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác**

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác tuân thủ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. BKS đã nhận được sự cộng tác tích cực của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin yêu cầu về các vấn đề trọng tâm cần xem xét, kiểm tra.

Trong năm 2020, BKS đã tham dự đầy đủ và tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị về quá trình công tác như sau:

- ◊ Thực hiện kiểm tra thường xuyên hoạt động sản xuất kinh doanh và mua bán của Công ty năm 2020. Việc kiểm tra được thực hiện phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- ◊ Đánh giá tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh 2020 và kế hoạch cho năm 2021;
- ◊ Chuẩn bị tài liệu họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 18/06/2020;
- ◊ Đưa ý kiến đóng góp đối với công tác quản trị doanh nghiệp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc để giải quyết các khó khăn phát sinh.

**Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông**

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định, quy chế quản trị của công ty.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc về việc triển khai, thực hiện đánh giá các hoạt động kinh doanh của Công ty. Kết quả giám sát được thực hiện với nội dung như sau:

- ◊ Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020;
- ◊ Các giải pháp để hoàn thành kế hoạch, nâng cao hiệu quả SXKD;
- ◊ Xem xét Báo cáo Tài chính năm 2019 và thực hiện báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019 trình Đại hội cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 18/06/2020.
- ◊ Xem xét báo cáo tài chính Quý I, Quý II, Quý III, báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2020 và số liệu ước tính kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2020;
- ◊ Tham gia tổ chuyên gia xét thầu gói thầu xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước năm 2021 - công trình nhà máy Thủy điện Đa M' Bri.
- ◊ Thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông.

Thông qua quá trình giám sát, BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành SHP. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã hoạt động theo đúng quy định pháp luật Việt Nam, Điều lệ Công ty trong quá trình chỉ đạo, quản lý Công ty phù hợp với thẩm quyền của các bên. Các Nghị quyết của HĐQT đều bám sát thực tiễn, tình hình thực tế của thị trường để đảm bảo Ban Điều hành có thể đáp ứng theo yêu cầu và hoàn thành các mục tiêu đã đề ra. Bên cạnh đó, các cuộc họp HĐQT được tổ chức thường niên đều có sự tham gia của BKS và Ban Tổng Giám đốc nhằm giải quyết các vấn đề khúc mắc trong hoạt động kinh doanh cũng như thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển của Công ty.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm 2020

STT	Chức vụ	Họ và tên	Thu nhập (VND)
1	<b>Hội đồng quản trị</b>		
	<b>Chủ tịch (đến ngày 18/06/2020)</b>	Đoàn Đức Hưng	226.811.002
	Chủ tịch chuyên trách (từ ngày 18/06/2020)	Huỳnh Minh Hải	585.979.185
	Thành viên	Nguyễn Tấn Tài	60.000.000
	Thành viên	Lê Tuấn Hải	196.087.000
	Thành viên	Trần Thế Du	164.384.000
	Thành viên	Nguyễn Văn Thịnh	196.087.000
	Thành viên	Nguyễn Văn Danh	136.087.000
	Thành viên	Lê Xuân Hải	31.703.000
2	<b>Ban điều hành</b>		
	Tổng Giám đốc	Thang Thanh Hà	747.804.000
	Phó Tổng Giám đốc	Nguyễn Vinh Châu	559.412.051

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần Cơ Điện lạnh	Tổ chức có liên quan của Thành viên độc lập HĐQT Lê Tuấn Hải	10.389.490	11,09%	0	0,00%	Chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu cho công ty con là Công ty TNHH Năng lượng REE
2	Nguyễn Vinh Châu	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam	93.250	0,10%	48.250	0,05%	Bán

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2020, Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) đã nỗ lực vận hành quản trị công ty theo các nguyên tắc, quy định đối với một công ty cổ phần đại chúng niêm yết; tiến hành các thủ tục, các bước cho việc tổ chức ĐHĐCĐ đúng quy trình.

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, đảm bảo lợi ích cổ đông Công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra, đồng thời hoàn thiện hoạt động quản trị công ty cho phù hợp với Quy chế quản trị công ty đại chúng ban hành.

Mọi hoạt động của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác đều được báo cáo đầy đủ, tuân thủ Luật Doanh Nghiệp, Pháp luật hiện hành cũng như các Điều lệ quy định của SHP, đảm bảo tính công bằng, minh bạch, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Ngoài ra, vấn đề quản trị Công ty còn được ban lãnh đạo Công ty hết sức quan tâm, tạo điều kiện cho các thành viên trong ban điều hành được tham gia các chương trình đào tạo dài hạn và ngắn hạn nhằm nâng cao chất lượng quản trị Công ty. Đây sẽ là nền tảng giúp doanh nghiệp phát triển kinh doanh hiệu quả, giảm chi phí vốn cũng như tạo niềm tin cho các nhà đầu tư hiện hữu và thu hút khách hàng tiềm năng trong tương lai.

Danh sách các thành viên tham gia khóa đào tạo quản trị được UBCKNN công nhận trong năm 2020:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên Hội đồng quản trị
2	Nguyễn Văn Danh	Thành viên Hội đồng quản trị (ĐHĐCĐ miễn nhiệm ngày 18/06/2020)
3	Thang Thanh Hà	Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc
5	Lê Thanh Hải	Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của Kiểm toán viên  
Báo cáo tài chính



## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:


- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

#### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Thang Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2021



Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Fax: +84 28 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61607369/22098533

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 18 tháng 3 năm 2020.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2787-2016-004-1

Phạm Xuân Tuấn  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4639-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>128.519.733.284</b>	<b>215.790.671.298</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>14.135.318.226</b>	<b>92.624.824.888</b>
1. Tiền	111		14.135.318.226	52.624.824.888
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	40.000.000.000
<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>110.685.849.483</b>	<b>107.467.821.708</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	25	109.673.409.433	105.958.258.071
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	992.578.081	893.384.624
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	327.224.169	923.541.213
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(307.362.200)	(307.362.200)
<i>III. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>3.541.007.673</b>	<b>3.905.309.084</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.541.007.673	3.905.309.084
<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>157.557.902</b>	<b>11.792.715.618</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	157.557.902	833.729.753
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	10.958.985.865
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.696.576.309.343</b>	<b>1.869.380.600.419</b>
<i>I. Phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>634.695.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	634.695.000	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>1.693.778.319.093</b>	<b>1.865.585.259.537</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.690.955.513.579	1.862.697.105.251
Nguyên giá	222		3.107.620.580.999	3.106.165.920.361
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(1.416.665.067.420)	(1.243.468.815.110)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.822.805.514	2.888.154.286
Nguyên giá	228		3.235.309.947	3.235.309.947
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(412.504.433)	(347.155.661)
<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>252.000.000</b>	<b>1.144.753.416</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	252.000.000	1.144.753.416
<i>IV. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>1.911.295.250</b>	<b>2.650.587.466</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.911.295.250	2.650.587.466
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.825.096.042.627</b>	<b>2.085.171.271.717</b>

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>704.246.521.347</b>	<b>831.819.037.399</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>323.199.521.347</b>	<b>264.616.037.399</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.621.759.810	2.172.879.490
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	21.405.273.437	17.913.947.075
3. Phải trả người lao động	314		3.559.174.673	4.833.886.060
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	3.929.974.806	4.535.143.083
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	64.598.571.000	18.567.974.067
6. Vay ngắn hạn	320	17	223.302.860.497	212.156.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	4.781.907.124	4.436.207.624
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>381.047.000.000</b>	<b>567.203.000.000</b>
1. Vay dài hạn	338	17	381.047.000.000	567.203.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.120.849.521.280</b>	<b>1.253.352.234.318</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18.1</b>	<b>1.120.849.521.280</b>	<b>1.253.352.234.318</b>
1. Vốn cổ phần	411		937.102.000.000	937.102.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		937.102.000.000	937.102.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.330.913.498	28.330.913.498
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		155.416.607.782	287.919.320.820
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		91.998.920.820	71.491.521.925
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		63.417.686.962	216.427.798.895
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.825.096.042.627</b>	<b>2.085.171.271.717</b>

Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập

Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng

Thang Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	19.1	429.384.136.428	643.027.010.680
2. Doanh thu thuần về bán hàng	10	19.1	429.384.136.428	643.027.010.680
3. Giá vốn hàng bán	11	20, 23	(287.868.924.643)	(318.356.881.168)
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		141.515.211.785	324.670.129.512
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19.2	3.227.227.679	3.298.435.419
6. Chi phí tài chính	22	21	(57.313.114.653)	(77.200.307.245)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(57.311.431.153)	(77.200.307.245)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22, 23	(21.013.432.427)	(23.101.179.921)
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		66.415.892.384	227.667.077.765
9. Thu nhập khác	31		397.085.509	210.827.139
10. Chi phí khác	32		(3.182.273)	(909.000)
11. Lợi nhuận khác	40		393.903.236	209.918.139
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.809.795.620	227.876.995.904
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24.1	(3.392.108.658)	(11.449.197.009)
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		63.417.686.962	216.427.798.895
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18.5	648	2.219
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	18.5	648	2.219

Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập

Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng

Thang Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>66.809.795.620</b>	<b>227.876.995.904</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	02	9, 10	173.261.601.082	186.175.263.646
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.227.227.679)	(3.298.435.419)
Chi phí lãi vay	06	21	57.311.431.153	77.200.307.245
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>294.155.600.176</b>	<b>487.954.131.376</b>
Giảm (tăng) các khoản phải thu	09		7.095.961.720	(4.085.907.816)
Giảm (tăng) hàng tồn kho	10		991.806.071	(1.819.981.059)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11		1.887.509.570	(2.658.377.574)
Giảm chi phí trả trước	12		565.446.374	3.973.519.446
Tiền lãi vay đã trả	14		(57.697.541.974)	(78.237.291.264)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	13	(4.403.299.107)	(10.265.800.654)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	16	(8.154.300.500)	(7.407.287.868)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>234.441.182.330</b>	<b>387.453.004.587</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21		(1.454.660.638)	(2.091.789.320)
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27		3.237.529.049	3.298.435.419
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.782.868.411</b>	<b>1.206.646.099</b>

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33	17	37.146.860.497	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	17	(212.156.000.000)	(250.156.000.000)
Cổ tức đã trả	36	18.4	(139.704.417.900)	(185.541.587.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(314.713.557.403)</b>	<b>(435.697.587.200)</b>
<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(78.489.506.662)</b>	<b>(47.037.936.514)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>92.624.824.888</b>	<b>139.662.761.402</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>14.135.318.226</b>	<b>92.624.824.888</b>

Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập

Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng

Thăng Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2021



## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 7 năm 2004 và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần gần nhất số 0303416670 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SHP theo Quyết định số 266/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, Số 45, Đường Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 119 (31 tháng 12 năm 2019 là: 119).

#### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

##### 2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

##### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

##### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

##### 2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

##### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Quyền sử dụng đất

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích hao mòn.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 7 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

#### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### ► Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### ► Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

#### 3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán điện và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

##### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.13 Thuế

##### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Thuế (tiếp theo)

##### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### 3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

#### 3.15 Nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	273.940.863	106.301.567
Tiền gửi ngân hàng	13.861.377.363	52.518.523.321
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.135.318.226</b>	<b>92.624.824.888</b>

### 5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	700.607.557	893.384.624
<i>Ban Đền bù Giải phóng Mặt bằng</i>		
<i>Huyện Bảo Lâm</i>	330.955.900	330.955.900
<i>Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Thái Hưng Thịnh</i>	196.447.060	-
<i>Chi nhánh Miền Nam - Công ty Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ - Đại học Thủy Lợi</i>	-	231.960.724
<i>Khác</i>	173.204.597	330.468.000
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 25)	291.970.524	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>992.578.081</b>	<b>893.384.624</b>

### 6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>327.224.169</b>	<b>923.541.213</b>
Tạm ứng	-	93.232.986
Lãi tiền gửi	-	10.301.370
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	444.394.875
Khác	327.224.169	375.611.982
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	634.695.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>961.919.169</b>	<b>923.541.213</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(307.362.200)	(307.362.200)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>654.556.969</b>	<b>616.179.013</b>

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.832.365.933	2.499.177.594
Nguyên liệu, vật liệu	1.708.641.740	1.406.131.490
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.541.007.673</b>	<b>3.905.309.084</b>

## 8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>157.557.902</b>	<b>833.729.753</b>
Công cụ, dụng cụ	78.250.281	735.824.725
Chi phí bảo hiểm	71.320.973	89.571.699
Khác	7.986.648	8.333.329
<b>Dài hạn</b>	<b>1.911.295.250</b>	<b>2.650.587.466</b>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.408.779.131	1.973.736.577
Công cụ, dụng cụ	465.688.184	631.496.490
Khác	36.827.935	45.354.399
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.068.853.152</b>	<b>3.484.317.219</b>

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

B09-DN

	VND			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng
<b>Nguyên giá:</b>				<b>Tổng cộng</b>
Số đầu năm	2.397.831.233.964	702.486.808.389	4.919.405.058	928.472.950
Mua trong năm	-	1.144.660.638	310.000.000	-
Số cuối năm	2.397.831.233.964	703.631.469.027	5.229.405.058	928.472.950
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết	3.547.974.998	265.713.281.488	4.218.688.695	621.474.838
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Số đầu năm	747.820.008.711	490.190.591.304	4.752.110.473	706.104.622
Khấu hao trong năm	109.328.975.823	63.669.264.622	127.671.213	70.340.652
Số cuối năm	857.148.984.534	553.859.855.926	4.879.781.686	776.445.274
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	1.650.011.225.253	212.296.217.085	167.294.585	222.368.328
Số cuối năm	1.540.682.249.430	149.771.613.101	349.623.372	152.027.676
<b>Trong đó:</b>				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	1.370.204.159.011	146.245.645.632	-	-
	1.370.204.159.011	146.245.645.632	-	1.516.449.804.643

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	2.719.863.637	515.446.310	3.235.309.947
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	319.400.000	319.400.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	347.155.661	347.155.661
Hao mòn trong năm	-	65.348.772	65.348.772
Số cuối năm	-	412.504.433	412.504.433
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	2.719.863.637	168.290.649	2.888.154.286
Số cuối năm	2.719.863.637	102.941.877	2.822.805.514

## 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Đa Dạng 2	252.000.000	252.000.000
Sửa chữa lớn	-	892.753.416
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>252.000.000</b>	<b>1.144.753.416</b>

## 12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	1.258.175.803	1.712.447.718
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Đà Lạt	182.588.500	-
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng Nam Việt	153.967.000	-
Khác	921.620.303	1.712.447.718
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 25)	363.584.007	460.431.772
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.621.759.810</b>	<b>2.172.879.490</b>

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	3.600.833.816	43.084.249.248	(41.617.862.549)	5.067.220.515
Thuế tài nguyên	2.606.658.836	40.477.973.187	(38.454.933.015)	4.629.699.008
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.358.125.033	3.392.108.658	(4.403.299.107)	3.346.934.584
Thuế thu nhập cá nhân	891.925.943	2.459.663.620	(1.645.421.072)	1.706.168.491
Thuế, phí khác	6.456.403.447	22.522.729.668	(22.323.882.276)	6.655.250.839
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.913.947.075</b>	<b>111.936.724.381</b>	<b>(108.445.398.019)</b>	<b>21.405.273.437</b>

## 14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dự án Nhà máy Thủy điện Đamb'ri	2.358.000.000	2.358.000.000
Chi phí lãi vay trích trước	1.319.521.598	1.705.632.419
Chi phí khác	252.453.208	471.510.664
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.929.974.806</b>	<b>4.535.143.083</b>

## 15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	64.443.153.700	16.727.171.600
Phải trả nhân viên Công ty	65.981.500	270.841.617
Khác	89.435.800	1.569.960.850
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.598.571.000</b>	<b>18.567.974.067</b>
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 25)	45.784.358.000	-
Phải trả ngắn hạn khác cho bên khác	18.814.213.000	18.567.974.067

## 16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.436.207.624	1.943.495.492
Trích từ lợi nhuận sau thuế	8.500.000.000	9.900.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(8.154.300.500)	(7.407.287.868)
Số cuối năm	4.781.907.124	4.436.207.624

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Số đầu năm	Tiền thu từ đi vay	Trả tiền vay	Phân loại lại	Số cuối năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>212.156.000.000</b>	<b>37.146.860.497</b>	<b>(212.156.000.000)</b>	<b>186.156.000.000</b>	<b>223.302.860.497</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh 17.1)	-	37.146.860.497	-	-	37.146.860.497
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh 17.2)	212.156.000.000	-	(212.156.000.000)	186.156.000.000	186.156.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>567.203.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(186.156.000.000)</b>	<b>381.047.000.000</b>
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh 17.2)	567.203.000.000	-	-	(186.156.000.000)	381.047.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>779.359.000.000</b>	<b>37.146.860.497</b>	<b>(212.156.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>604.349.860.497</b>

VND

17.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	37.146.860.497	Từ ngày 7 tháng 3 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021	5,0 - 6,3	Tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Đasiat trị giá 111.077.984.822 VND (Thuyết minh số 9)

20

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay dài hạn ngân hàng

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	330.000.000.000	Từ ngày 19 tháng 3 năm 2021 đến ngày 18 tháng 12 năm 2024	8,3	Tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	88.203.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2021 đến ngày 17 tháng 4 năm 2022	6,9	Thủy điện Đambri trị giá 1.405.371.819.821 VND (Thuyết minh số 9)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	149.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2021 đến ngày 25 tháng 7 năm 2025	7,5	Tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Đasiat trị giá 111.077.984.822 VND (Thuyết minh số 9)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>567.203.000.000</b>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	186.156.000.000			
Vay dài hạn	381.047.000.000			

21

**Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
<b>Năm trước:</b>				
Số đầu năm	937.102.000.000	28.330.913.498	268.811.921.925	1.234.244.835.423
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	216.427.798.895	216.427.798.895
Cổ tức công bố	-	-	(187.420.400.000)	(187.420.400.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số cuối năm	937.102.000.000	28.330.913.498	287.919.320.820	1.253.352.234.318
<b>Năm nay:</b>				
Số đầu năm	937.102.000.000	28.330.913.498	287.919.320.820	1.253.352.234.318
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	63.417.686.962	63.417.686.962
Cổ tức công bố (*)	-	-	(187.420.400.000)	(187.420.400.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số cuối năm	937.102.000.000	28.330.913.498	155.416.607.782	1.120.849.521.280

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 27/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 20% mệnh giá của cổ phiếu phổ thông, tương đương với 187.420.400.000 VND.
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền lần lượt là 8.000.000.000 VND và 500.000.000 VND.

22

**Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	457.843.580.000	48,86	457.843.580.000	48,86
Công ty TNHH Năng lượng REE	103.894.900.000	11,09	-	-
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	-	-	103.894.900.000	11,09
Cổ đông khác	375.363.520.000	40,05	375.363.520.000	40,05
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>937.102.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>937.102.000.000</b>	<b>100,00</b>

**18.3 Cổ phiếu**

	Số đầu năm Số lượng	Số cuối năm Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	93.710.200	93.710.200
Cổ phiếu đã bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	93.710.200 93.710.200	93.710.200 93.710.200
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	93.710.200 93.710.200	93.710.200 93.710.200

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**18.4 Cổ tức**

	Năm nay	VND Năm trước
Cổ tức đã trả trong năm	139.704.417.900	185.541.587.200

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

## 18.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	63.417.686.962	216.427.798.895
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(2.726.960.539)	(8.500.000.000)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>60.690.726.423</b>	<b>207.927.798.895</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	93.710.200	93.710.200
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND)</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	648	2.219
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	648	2.219

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được điều chỉnh giảm cho khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích lập với tỷ lệ 4,3% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên Số 27/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

## 19. DOANH THU

## 19.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	429.384.136.428	643.027.010.680

## 19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.227.227.679	3.298.435.419

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản xuất điện	287.868.924.643	318.356.881.168

## 21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	57.311.431.153	77.200.307.245
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.683.500	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.313.114.653</b>	<b>77.200.307.245</b>

## 22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	12.469.568.497	14.802.063.678
Chi phí thuê văn phòng	2.396.782.514	2.132.728.200
Chi phí khấu hao và hao mòn	467.227.185	494.516.716
Chi phí khác	5.679.854.231	5.671.871.327
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.013.432.427</b>	<b>23.101.179.921</b>

## 23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	173.261.601.082	186.175.263.646
Thuế tài nguyên	40.477.973.187	54.044.998.871
Chi phí nhân viên	35.937.399.963	44.843.985.734
Phí dịch vụ môi trường rừng	15.631.578.756	21.024.341.172
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.872.397.000	6.585.867.000
Chi phí nguyên vật liệu	5.944.175.384	3.305.035.436
Chi phí khác	30.757.231.698	25.478.569.230
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>308.882.357.070</b>	<b>341.458.061.089</b>

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế. Ngoài ra, ba nhà máy thủy điện của Công ty được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế theo quy định hiện hành như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và Đasiat bắt đầu hoạt động từ năm 2010 và nhà máy thủy điện Đamb'ri bắt đầu hoạt động từ năm 2014.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

##### 24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.392.108.658	11.449.197.009

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>66.809.795.620</b>	<b>227.876.995.904</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	13.361.959.124	45.575.399.181
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	185.051.519	187.897.164
Thuế TNDN được giảm	(10.154.901.985)	(34.314.099.336)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>3.392.108.658</b>	<b>11.449.197.009</b>

##### 24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Bán điện	352.987.730.612	566.110.038.922
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Bán điện	76.396.405.816	76.916.971.758
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn	Cổ tức	91.568.716.000	91.568.716.000
Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn (từ ngày 10 tháng 11 năm 2020)	Cổ tức	20.778.980.000	-
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Cổ đông lớn (đến ngày 10 tháng 11 năm 2020)	Cổ tức	-	20.778.980.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Sử dụng dịch vụ	291.970.524	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Sử dụng dịch vụ	228.733.468	485.772.471
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Sử dụng dịch vụ	134.850.539	231.698.304



## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

		VND		
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Bán điện	101.802.216.100	97.566.568.841
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Bán điện	7.871.193.333	8.391.689.230
			<b>109.673.409.433</b>	<b>105.958.258.071</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Sử dụng dịch vụ	291.970.524	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Sử dụng dịch vụ	228.733.468	228.733.468
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Sử dụng dịch vụ	134.850.539	231.698.304
			<b>363.584.007</b>	<b>460.431.772</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn	Cổ tức	45.784.358.000	-

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

		VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch (đến ngày 18 tháng 6 năm 2020)	226.811.002	332.366.560
Ông Huỳnh Minh Hải	Chủ tịch (từ ngày 18 tháng 6 năm 2020)	585.979.185	154.458.119
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập	196.087.000	201.642.556
Ông Trần Thế Du	Thành viên độc lập	164.384.000	119.939.556
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	196.087.000	201.642.556
Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên	60.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên	136.087.000	201.642.556
Ông Lê Xuân Hải	Thành viên	31.703.000	81.703.000
Ông Thang Thanh Hà	Tổng Giám đốc	747.804.000	802.220.500
Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc	559.412.051	677.923.088
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.904.354.238</b>	<b>2.773.538.491</b>

## 26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.538.780.000	1.075.250.468
Trên 1 đến 5 năm	1.163.607.500	-
Trên 5 năm	9.032.317.902	8.851.304.293
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.734.705.402</b>	<b>9.926.554.761</b>

## 27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty bán ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty



Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập



Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng



Thang Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2021



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2021  
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Huỳnh Minh Hải